

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Lan

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN
TẢI DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Nguyễn Thị Lan

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Lan

Mã SV: 110197

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN công ty cổ phần Vận Tải Dầu Khí Việt Nam tại Hải Phòng”

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện đất nước ta đã gia nhập nền kinh tế Quốc tế với sự cạnh tranh khốc liệt, mục tiêu hàng đầu và cũng là điều kiện tồn tại của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đó là sinh lời. Để thực hiện được mục tiêu đó đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng phải vận động, phát triển đổi mới phương thức quản lý và cách thức sản xuất cho phù hợp, đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy các doanh nghiệp không ngừng phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước mà còn phải đối mặt với các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực tài chính to lớn và bề dày kinh nghiệm trong kinh doanh. Từ thực tế đó, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước phải luôn phấn đấu để tìm ra mọi biện pháp nhằm tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả, mang lại lợi nhuận cho Công ty, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, phù hợp với yêu cầu của người sử dụng trong và ngoài nước.

Trong thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí Việt Nam tại Hải Phòng em nhận thấy vai trò quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, em đã quyết định đi sâu vào tìm hiểu, lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN công ty cổ phần Vận Tải Dầu Khí Việt Nam tại Hải Phòng***”

Nội dung chính của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN công ty Vận Tải Dầu Khí Việt Nam tại Hải Phòng

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Vận Tải Dầu Khí Việt Nam tại Hải Phòng

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.

a. Khái niệm về doanh thu:

- Doanh thu: là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản...

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.1.1.2. Khái niệm về chi phí.

a. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

✚ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất. Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

✚ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ).
- Chi phí vật liệu bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.
- Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.
- Chi phí bảo hành sản phẩm: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

 **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dùng chung của doanh nghiệp

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- Thuế phí, lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà, thuế đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các

khoản chi khác.

b. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

c. Chi phí khác

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa, ...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.1.3. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Các phương thức bán hàng

a. Bán buôn qua kho: Theo hình thức này hàng hoá được mua vào và dự trữ trong kho sau đó xuất ra bán. Căn cứ vào cách giao hàng thì phương thức bán buôn qua kho gồm 2 hình thức sau:

✚ Bán buôn trực tiếp qua kho (giao hàng tại kho của doanh nghiệp):

Là phương thức mà doanh nghiệp xuất hàng từ kho giao trực tiếp cho bên mua, bên mua cử đại diện đến nhận hàng.

✚ Bán buôn qua kho theo hình thức chuyển hàng:

Là phương thức bán buôn mà doanh nghiệp giao hàng tại địa điểm do bên mua quy định, thoả thuận trong hợp đồng. Doanh nghiệp xuất hàng từ kho vận chuyển thẳng cho người mua bằng phương tiện tự có hoặc thuê ngoài. Hàng hoá gửi đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, khi nào bên mua xác nhận đã nhận được hàng hoá hoặc chấp nhận thanh toán thì mới chuyển quyền sở hữu và doanh nghiệp coi đó là thời điểm hàng gửi đi được coi là bán, chi phí vận chuyển do doanh nghiệp chịu hoặc do bên mua chịu là tùy thuộc vào điều kiện quy định trong hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

b. Bán buôn vận chuyển thẳng: Phương thức bán hàng này là hình thức bán buôn mà các doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua về không nhập kho mà vận chuyển thẳng cho người mua.

Bán buôn vận chuyển thẳng phân biệt thành 2 hình thức:

✚ Bán buôn vận chuyển thẳng có tham gia thanh toán.

Trường hợp này doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng vận chuyển thẳng cho bên mua tại một địa điểm đã thảo thuận. Hàng hoá lúc này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi bên mua thanh toán hoặc khi doanh nghiệp nhận được giấy biên nhận hàng mà bên mua chấp nhận thanh toán thì lúc đó hàng mới được coi là tiêu thụ. Trường hợp này doanh nghiệp tham gia thanh toán với cả 2 bên: thu tiền bán hàng và trả tiền mua hàng.

✚ Bán buôn vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán

Theo hình thức này doanh nghiệp không tham gia thanh toán với người mua và người bán, doanh nghiệp chỉ ở giữa làm trung gian môi giới và nhận hoa hồng

môi giới sau khi hoàn thành việc giao hàng tại đúng địa điểm của người mua theo thoả thuận.

c. Bán lẻ: Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

d. Bán hàng đại lý hay ký gửi hàng hoá: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở đại lý. Bên nhận đại lý trực tiếp bán hàng thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển cho cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi cơ sở đại lý thông báo hàng đã bán được.

1.1.3.2. Các phương thức thanh toán

Cùng với các phương thức bán hàng, các doanh nghiệp cũng sử dụng nhiều phương thức thanh toán. Việc áp dụng phương thức thanh toán nào là do hai bên mua và bán tự thoả thuận rồi ghi trong hợp đồng. Quản lý các nghiệp vụ thanh toán tiền hàng là công tác quan trọng trong kế toán nhằm tránh tổn thất tiền hàng giúp Doanh nghiệp không bị chiếm dụng vốn, tạo điều kiện tăng vòng quay của vốn và giữ uy tín cho khách hàng. Hiện nay có một số phương thức bán hàng sau đây thường được áp dụng trong các Doanh nghiệp thương mại

a. Thanh toán bằng tiền mặt

Đây là hình thức thanh toán trực tiếp giữa người bán và người mua khi nhận được hàng, bên mua sẽ xuất tiền mặt ở quỹ trả cho bên bán. Việc thanh toán này có thể tiến hành bằng tiền Việt Nam ngoại tệ hay vàng bạc kim khí quý đá quý

b. Thanh toán không dùng tiền mặt

Đây là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển từ tài khoản của Doanh nghiệp hoặc bù trừ giữa các Doanh nghiệp thông qua cơ quan trung gian là ngân hàng. Có một số hình thức sau, việc vận chuyển dùng hình thức nào là tùy thuộc đặc điểm kinh doanh và mức độ tín nhiệm lẫn nhau của các doanh nghiệp

- Thanh toán bằng séc
- Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu
- Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi

c. Thanh toán theo phương thức trả chậm.

Theo hình thức thanh toán này khoản nợ chưa trả có thể được tính lãi hoặc không tính lãi trong thời gian trả chậm theo hợp đồng giao ước giữa hai bên mua và bán.

d. Thanh toán bằng nghiệp vụ ứng tr  ớc tiền hàng

-Theo ph-   ng pháp này, đơn vị bán sẽ nhận đ-   c tiền tr-   c khi xuất hàng cho đơn vị mua. Tuy nhiên số tiền ứng tr-   c chỉ bằng 1/3-1/2 trị giá hàng xuất bán.Số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi giao hàng.

-Hình thức này th-   ng   p dụng đối với những mặt hàng có giá trị lớn hoặc hiếm hay đơn vị bán gặp khó khăn về tài chính thì đơn vị mua giúp đỡ .

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu.****1.2.1.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.****   Chứng từ kế toán sử dụng:**

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

 Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

- **TK 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 6 TK cấp 2:

+ TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.

+ TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.

+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

+ TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

+ TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

+ TK 5118: Doanh thu hoạt động khác

- **TK 512** – Doanh thu bán hàng nội bộ: có 3 TK cấp 2:

+ TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá nội bộ.

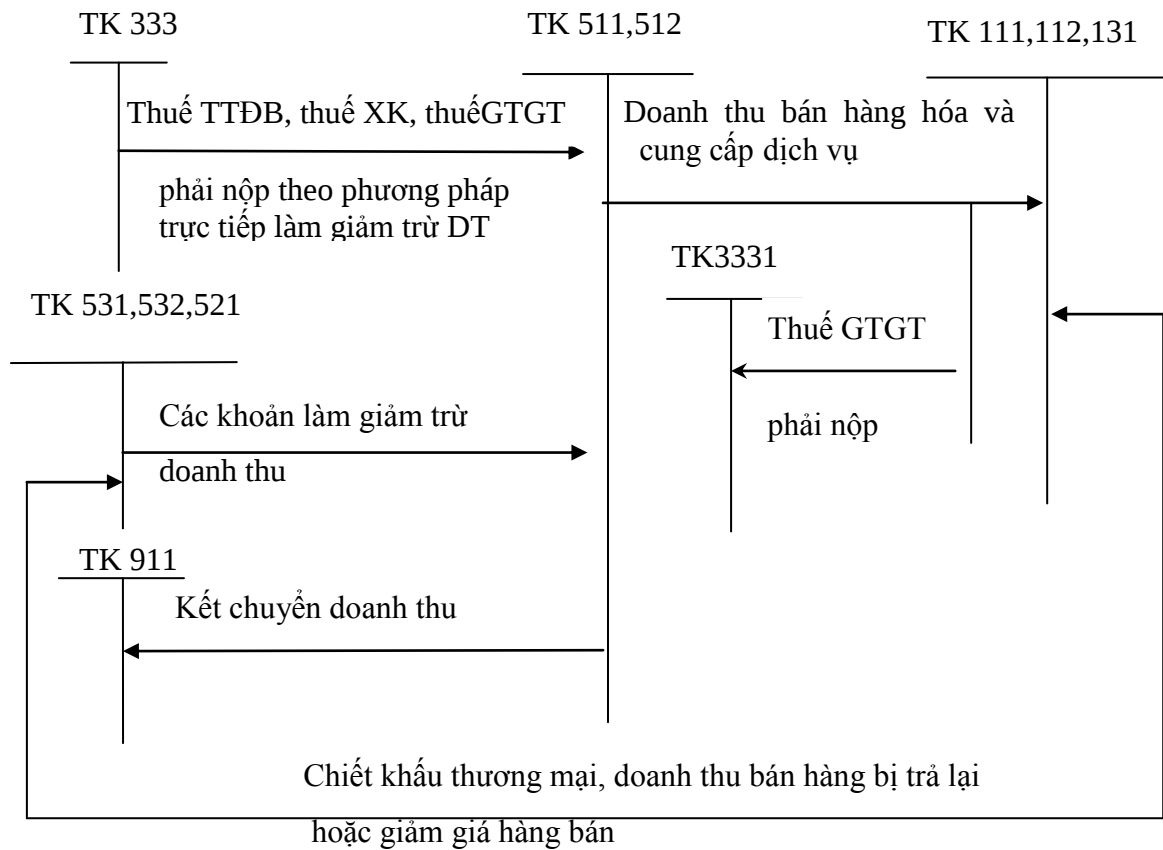
+ TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ.

+ TK 5123: Doanh thu dịch vụ nội bộ

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng

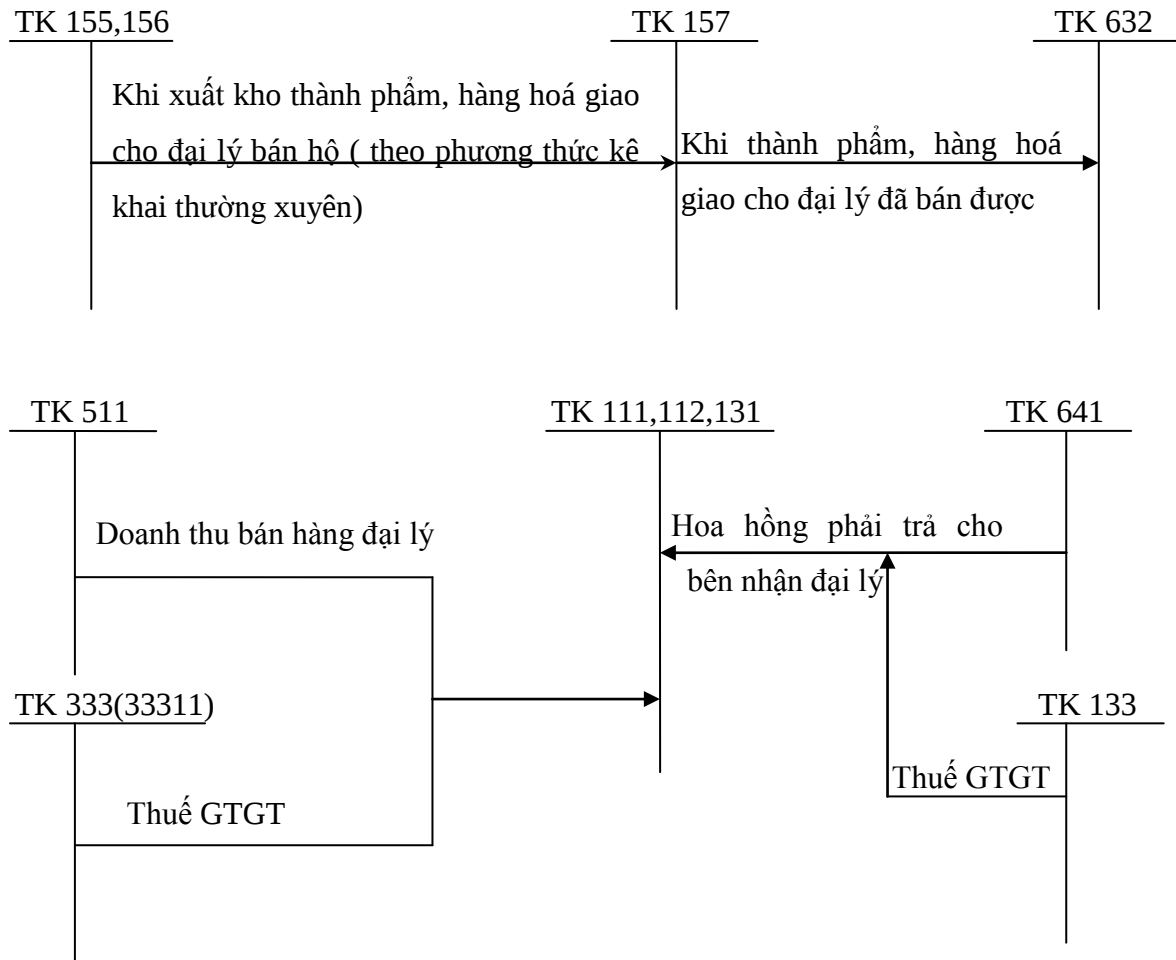
(Theo phương thức bán trực tiếp)



Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng

(Theo phương thức bán hàng thông qua đại lý)

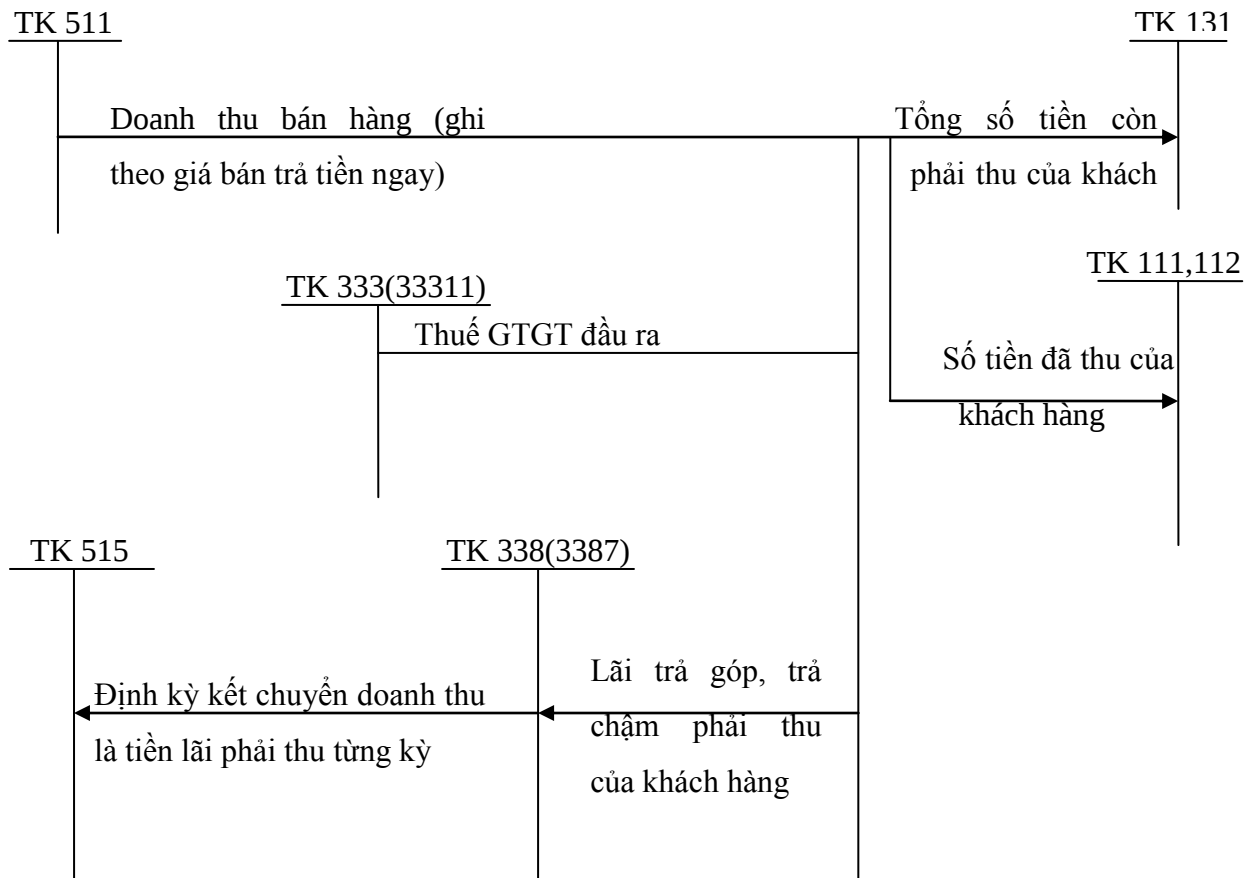
✚ Bên giao đại lý:



✚ Bên nhận đại lý:

511	331	111, 112,
131...		
Khi xác định doanh thu hoa hồng đại lý hàng		Tiền đại lý phải trả cho bên giao
3331		
Thuế GTGT của hoa hồng đại lý (nếu có)		
111, 112		

**Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng
(Theo phương thức trả chậm, trả góp)**



1.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**✚ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi, uỷ nhiệm chi...
- Hoá đơn GTGT
- Và các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:**- TK 521: Chiết khấu thương mại**

TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
- + TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
- + TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

- TK 531: Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

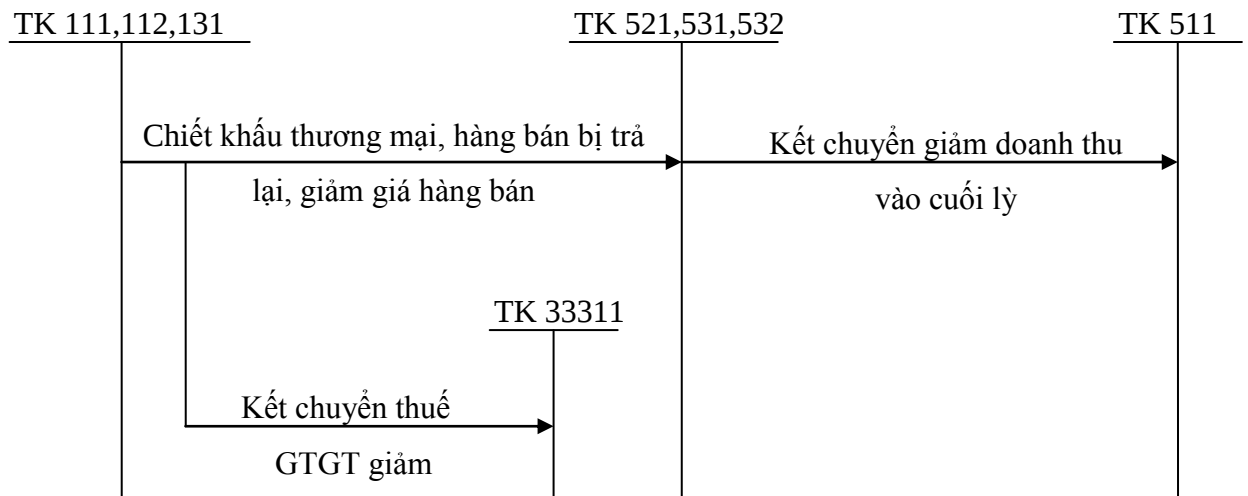
- TK 532: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách trên giá bán đã thỏa thuận.

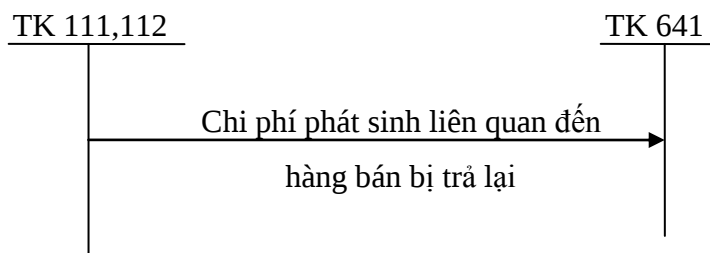
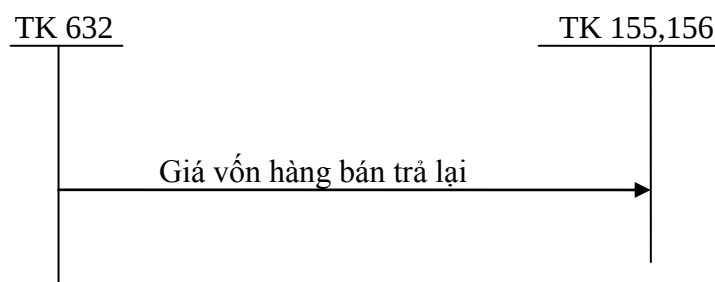
Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hoá đơn.

✚ Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



Đối với hàng bán bị trả lại phản ánh thêm:



Phương pháp hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

$$\text{GTGT} = \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng}$$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

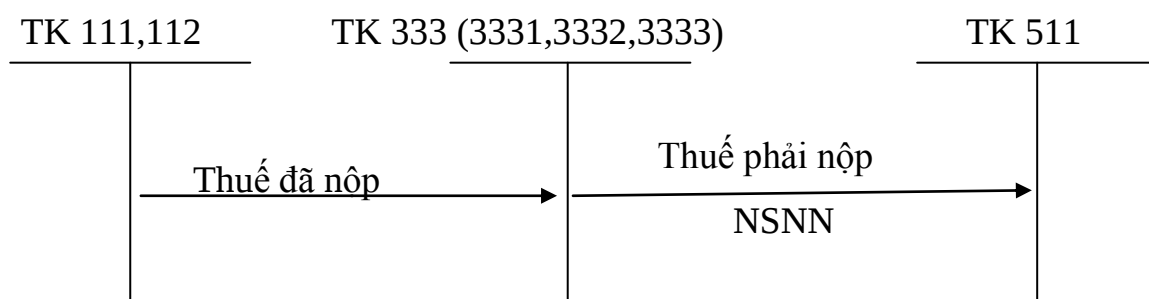
Cách tính:

Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Thuế xuất khẩu = Trị giá tính thuế x Thuế suất thuế xuất khẩu

Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



1.2.1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính

✚ Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính;...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp) (Nếu là cho thuê hoạt động, cho thuê bất động sản đầu tư thì hạch toán vào TK 511);
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

Tài khoản sử dụng:

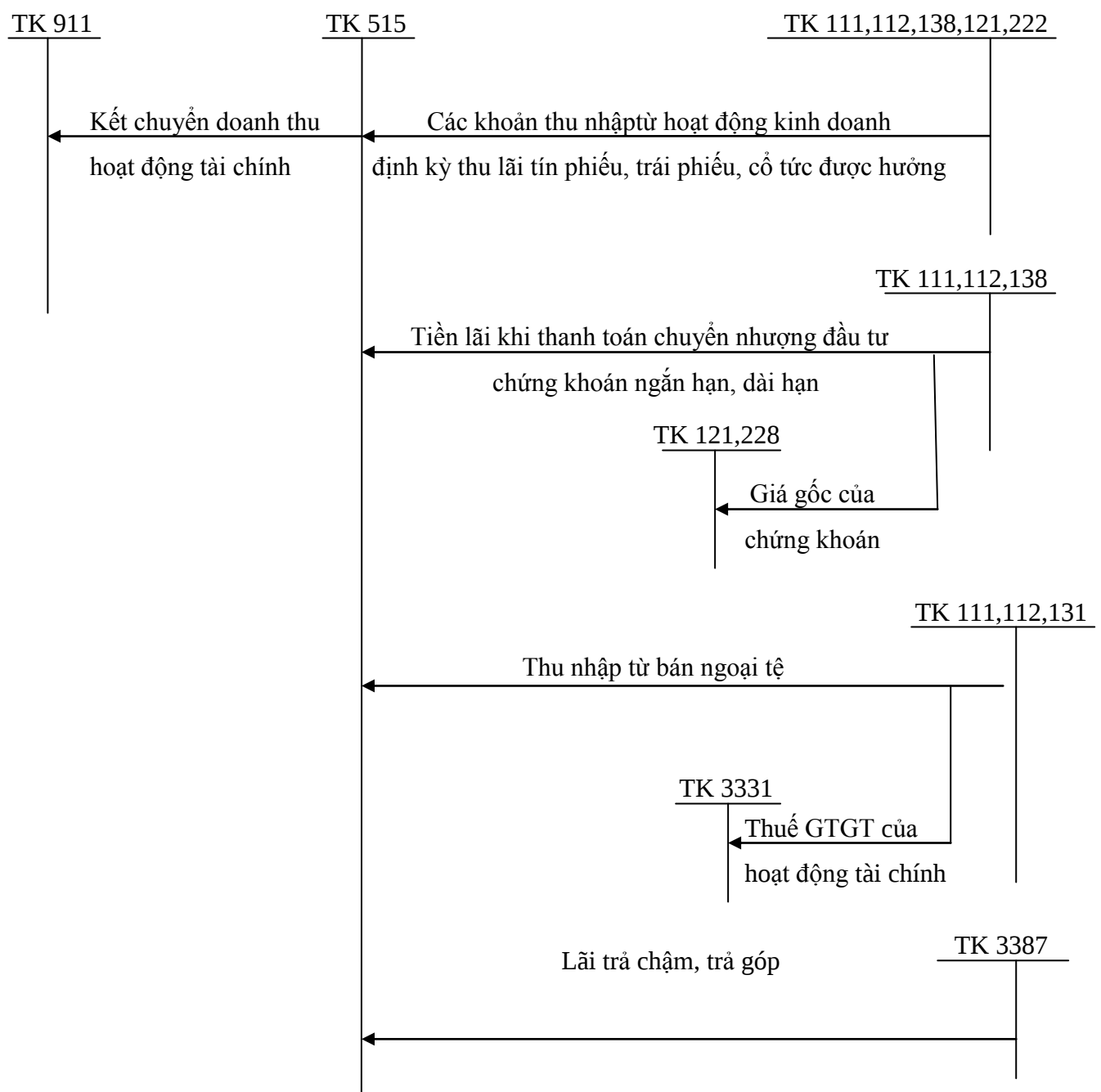
TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.4. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác.

 Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

 **Tài khoản sử dụng:**

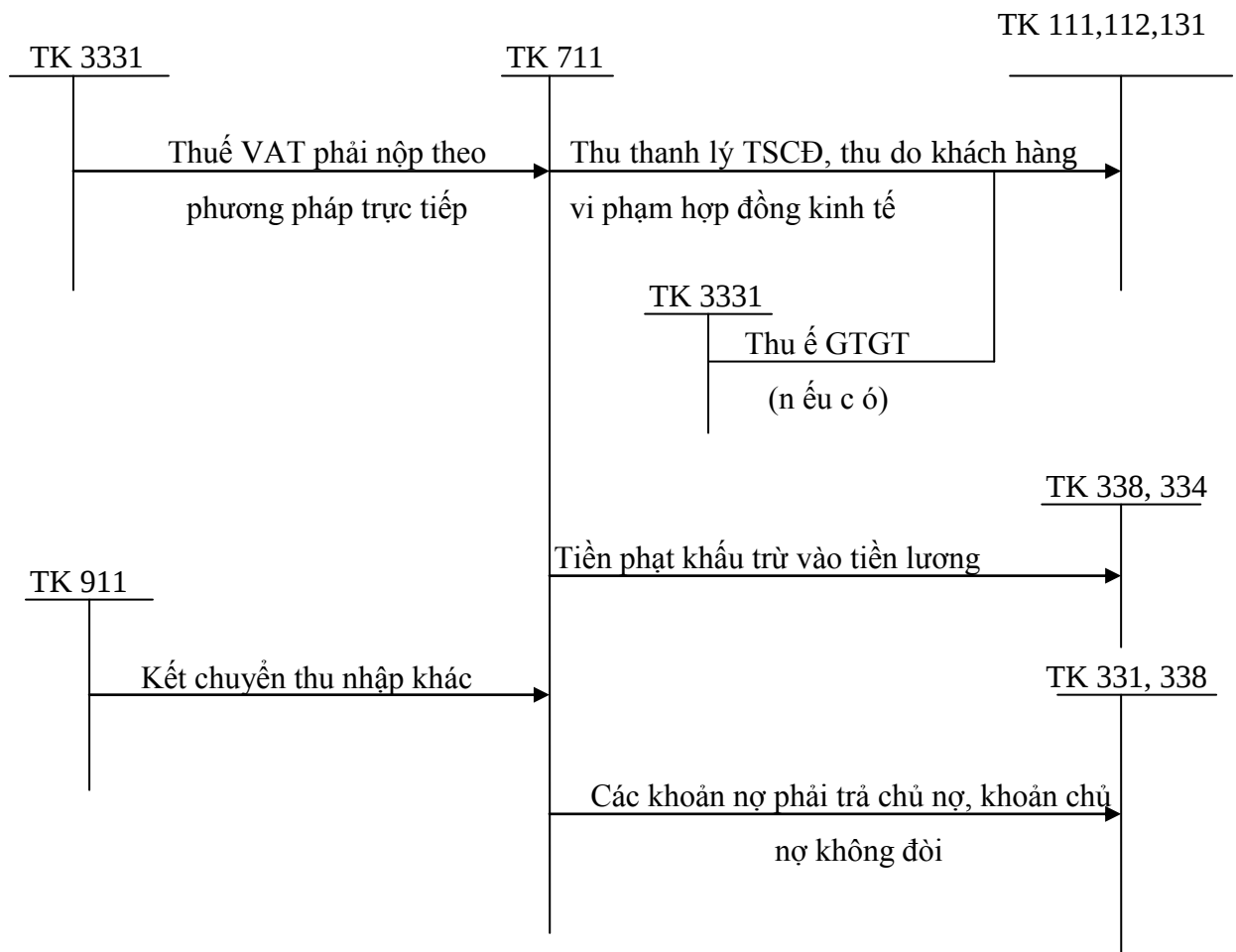
TK 711 "Thu nhập khác".

 **Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu
- Các chứng từ kế toán khác

 **Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán thu nhập khác



1.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí

1.2.2.1. Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

Tài khoản sử dụng:

- TK 632: giá vốn hàng bán.
- TK 632: Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).
- Bảng tính và phân bổ: nguyên vật liệu – công cụ, dụng cụ.
- Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán:

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Trong đó:

+ Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính giá trị giá hàng tồn kho.

+ Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán: Do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan cả đến khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng hóa đầu kỳ, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ.

Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{HH đã bán} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng} \\ \text{của HH tồn kho đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng} \\ \text{của HH phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của HH tồn cuối kỳ} \\ \text{và HH đã xuất bán trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tiêu chuẩn} \\ \text{phân bổ} \\ \text{của HH đã} \\ \text{xuất bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: " hàng hóa tồn kho cuối kỳ" bao gồm cả hàng hóa tồn trong kho; hàng hóa đã mua nhưng còn đang đi trên đường và hàng hóa hàng gửi bán nhưng chưa được chấp nhận.

- **Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:**

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân gia quyền} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

*** Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần 1).

*** Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập chúng ta sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

*** Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó.

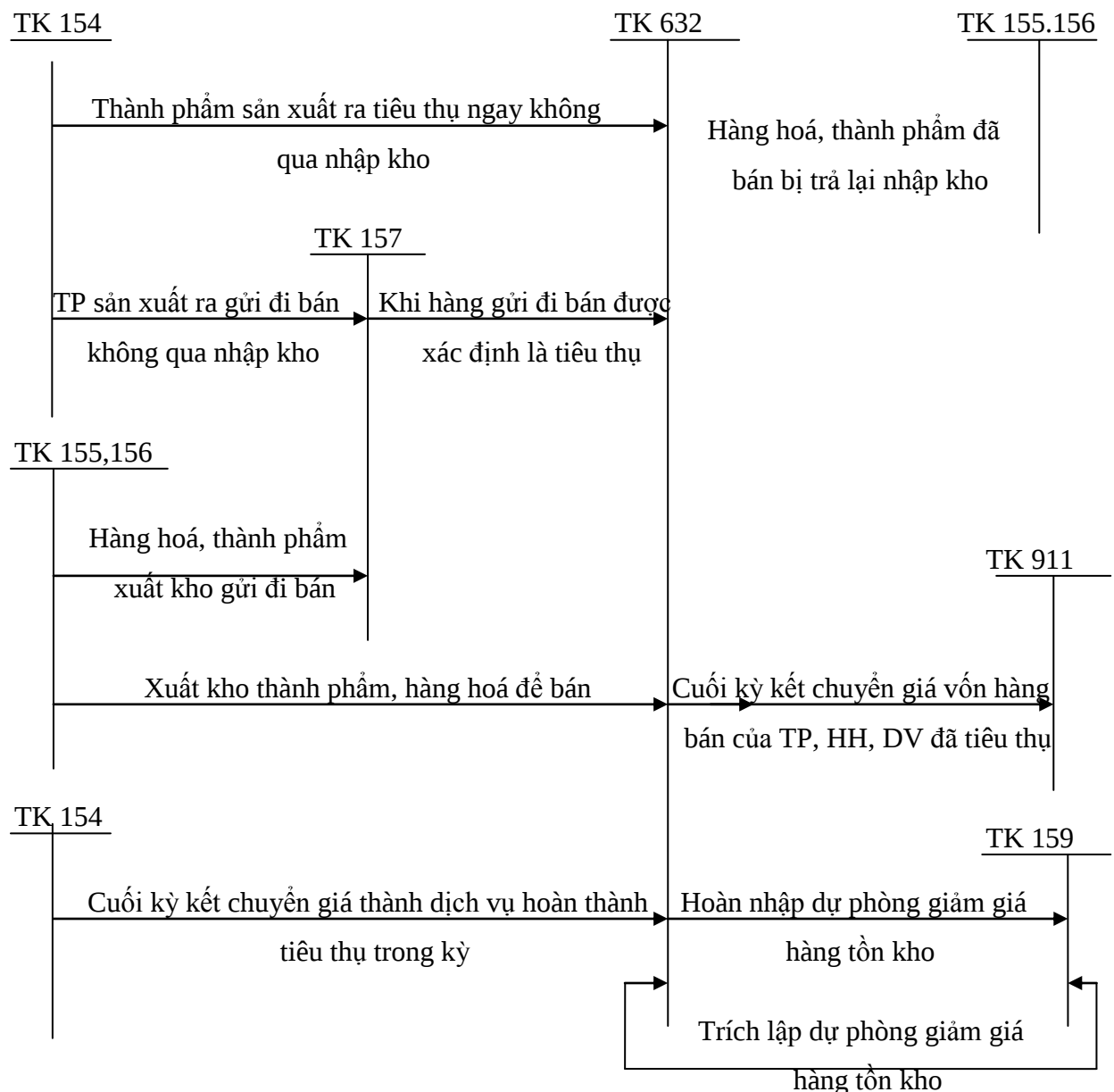
Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập.

Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

Quy trình hạch toán giá vốn bán hàng (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán
(Kê khai thường xuyên)



b. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng

Trong kế toán tài chính, phục vụ yêu cầu cung cấp thông tin kế toán, chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ được phân loại và tập hợp theo các yếu tố chi phí. Cuối kỳ, kế toán chi phí bán hàng cần được phân bổ và kết chuyển để xác định

kết quả kinh doanh. Việc phân bổ và kết chuyển chi phí này tùy vào từng loại hình doanh nghiệp và đặc điểm sản xuất kinh doanh.

- Đối với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ: Trường hợp có dự trữ hàng hóa biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn cuối kỳ, tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành "chi phí chờ kết chuyển" và phần chi phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã được bán trong kỳ để xác định kết quả. Chi phí bán hàng phân bổ cho hàng bán ra được tính theo công thức sau:

$$\text{CPBH phân bổ cho hàng đã bán} = \frac{\text{CPBH cần phân bổ đầu kỳ} + \text{CPBH cần phân bổ phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của hàng xuất bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ}} \times \text{Tiêu chuẩn phân bổ của hàng đã xuất bán trong kỳ}$$

- Tiêu thức phân bổ lựa chọn là trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán.

- "Hàng tồn cuối kỳ": Đối với doanh nghiệp sản xuất là trị giá vốn thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ và hàng gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ (số dư TK 155, 157).

- Đối với doanh nghiệp sản xuất là trị giá vốn thực tế của hàng tồn kho cuối kỳ, hàng mua còn đang đi đường cuối kỳ và hàng hóa gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ (số dư TK 151, 155, 157).

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

Tài khoản sử dụng:

Đề hạch toán, kế toán sử dụng TK 641 - chi phí bán hàng có 7 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.

- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

c. Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại như: chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh cuối kỳ. Vì vậy, cần xác định chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ cho hợp lý.

 Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu chi
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ kế toán khác

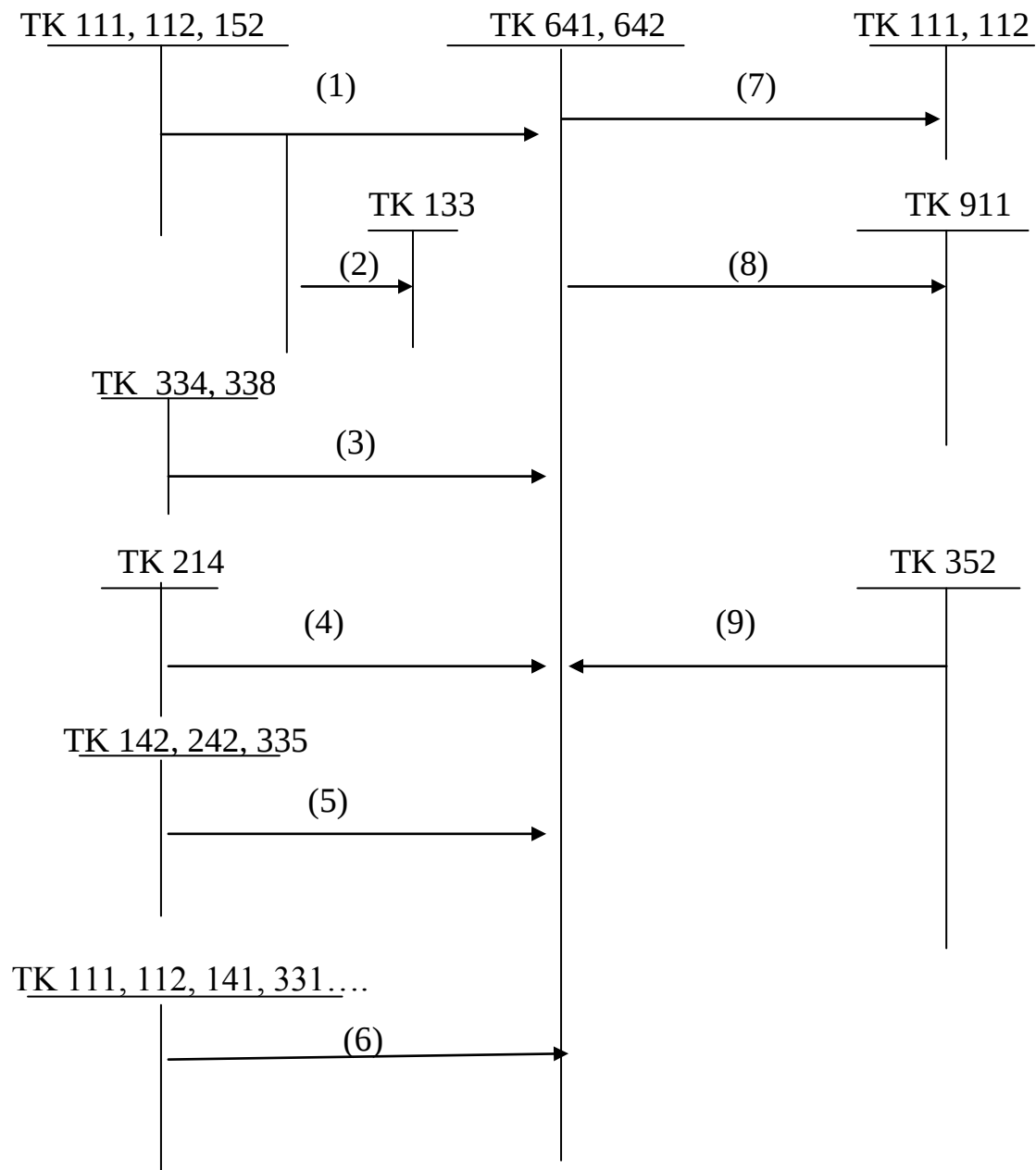
 Tài khoản kế toán sử dụng:

Đề hạch toán kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

-.TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng.
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



Chú thích:

- (1): Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (2): Thuế VAT đầu vào của chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (3): Chi phí lương và các khoản trích theo lương.
- (4): Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- (5): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6): Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

(7): Các khoản thu làm giảm chi phí.

(8): Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh.

(9): Hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá

1.2.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính

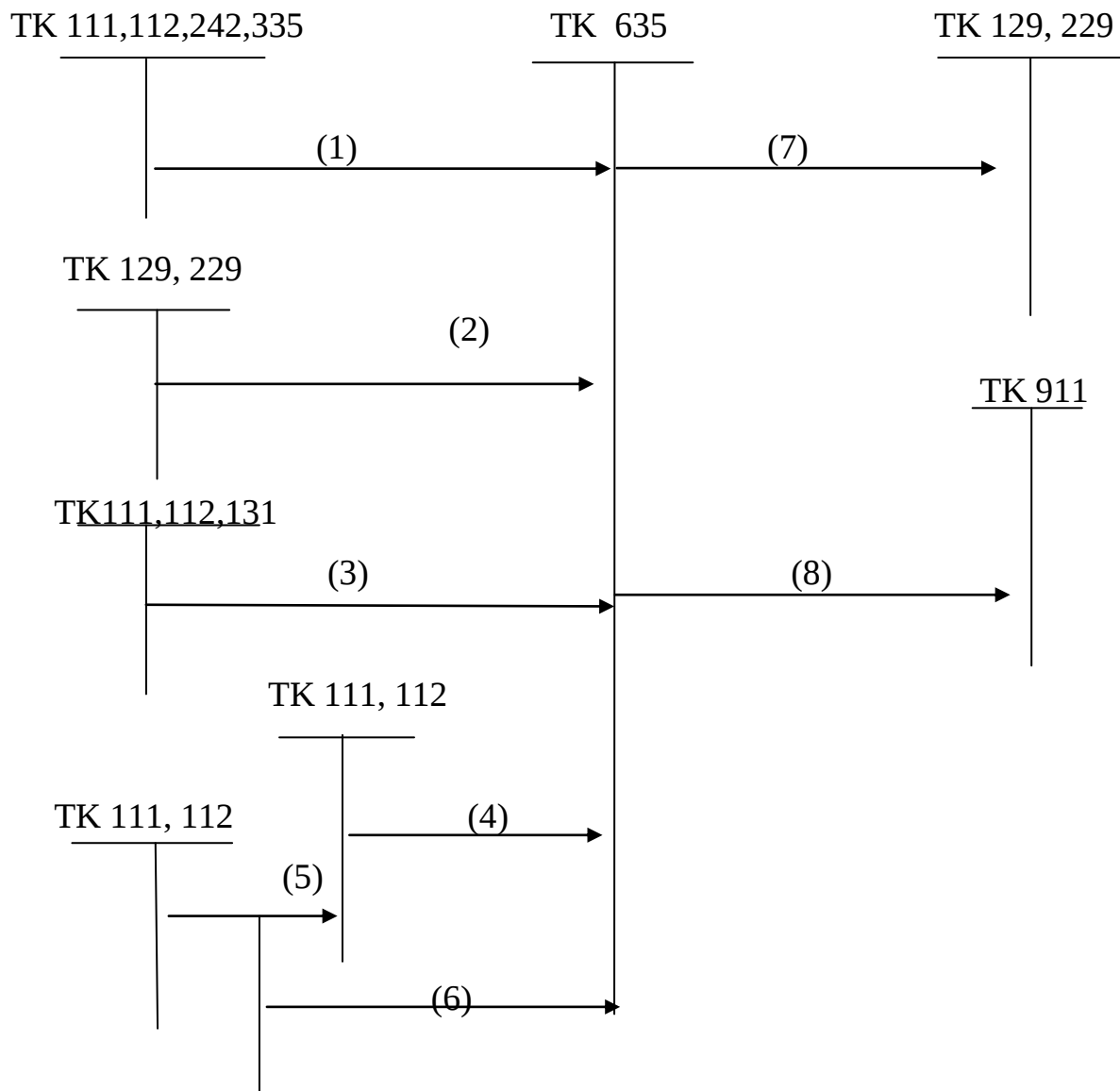
Tài khoản sử dụng:

TK 635 "Chi phí hoạt động tài chính".

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính



Chú thích :

- (1): Trả lãi vay, phân bổ lãi mua hàng trả chậm trả góp
- (2): Dự phòng giảm giá đầu tư
- (3): Lỗi về các khoản đầu tư
- (4): Chi phí hoạt động liên doanh liên kết
- (5): Bán ngoại tệ (giá ghi sổ)
- (6): Lỗi về bán ngoại tệ
- (7): Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư
- (8): Kết chuyển chi phí tài chính cuối kỳ

1.2.2.3. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.

Tài khoản kế toán sử dụng:

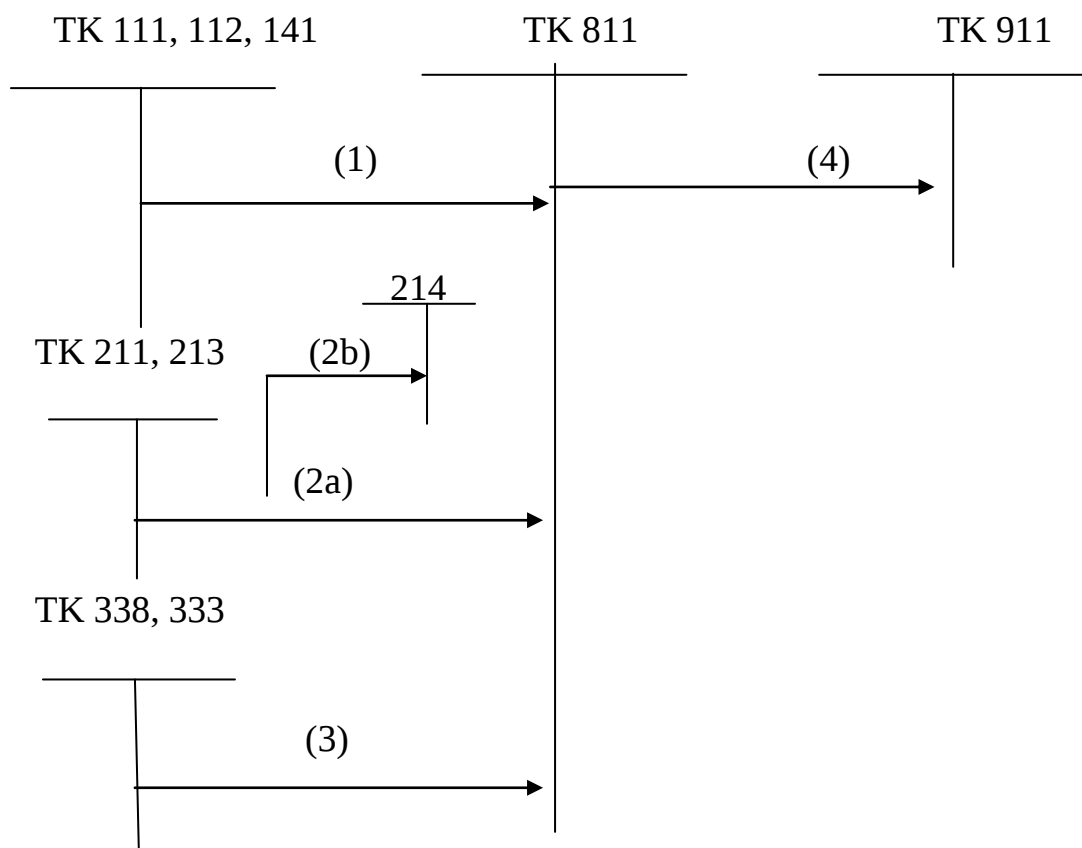
TK 811- "Chi phí khác".

Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan

Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán chi phí khác



Chú thích:

- (1): Chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh.
- (2a): Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- (2b): Giá trị hao mòn TSCĐ
- (3): Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế và các khoản phải nộp khác.
- (4): Kết chuyển chi phí khác.

1.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Giảm giá hàng bán	-	Hàng bán bị trả lại	-	Thuế TT ĐB, thuế XK, Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp(nếu có)
-----------------	---	--	---	-----------------------	---	-------------------	---	---------------------	---	---

Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần	-	Giá vốn hàng bán
---	---	--	---	------------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chi phí hoạt động bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	---	---	----------------------------	---	------------------------------

➤ Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính

Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	=	Thu nhập hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính
--	---	------------------------------	---	-----------------------------

➤ **Kết quả từ thu nhập hoạt động khác**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	=	Thu nhập từ hoạt động khác	-	Chi phí cho hoạt động khác
---	---	----------------------------------	---	----------------------------------

✚ **Tài khoản sử dụng:**

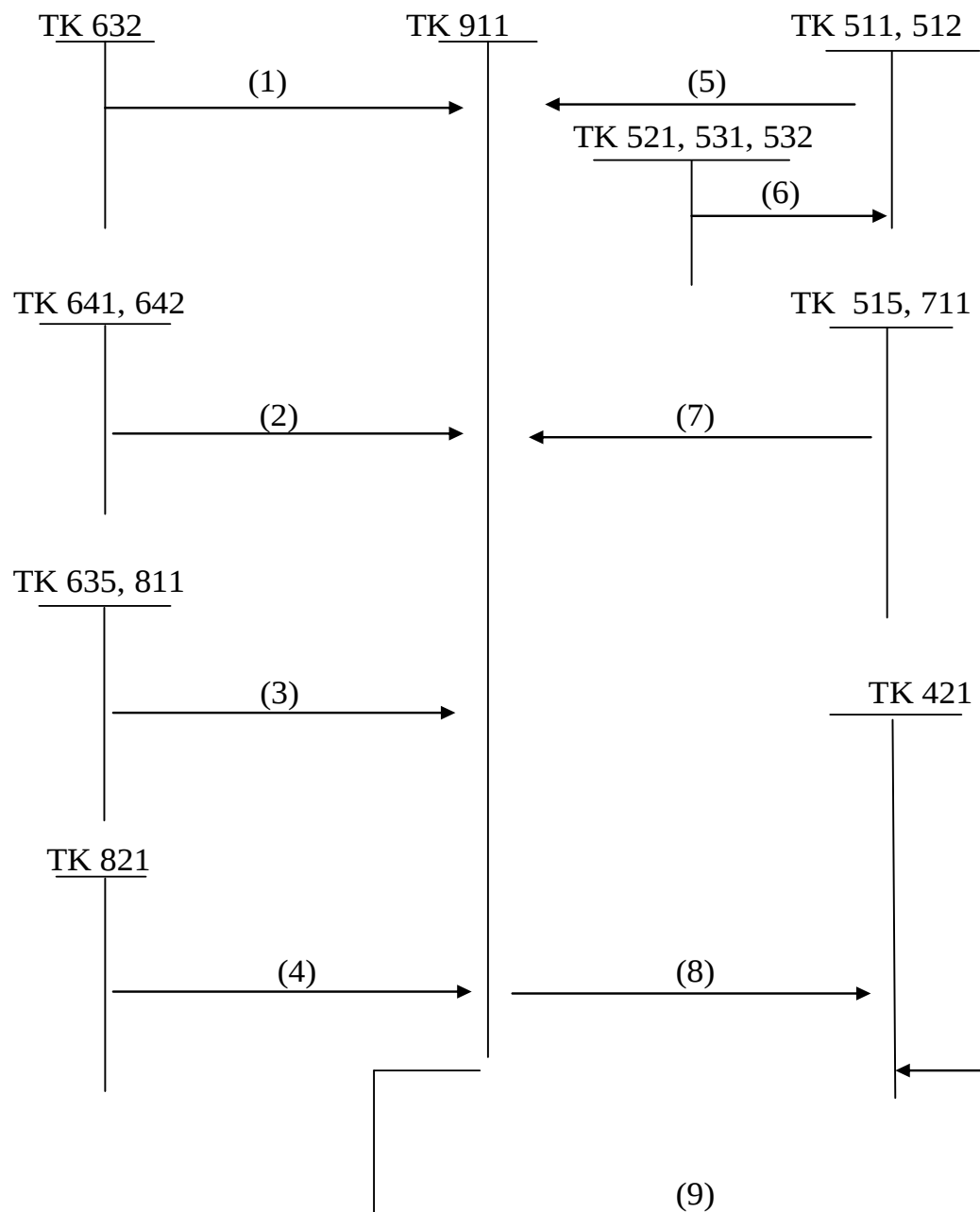
TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

✚ **Nguyên tắc hạch toán TK 911:**

- TK này phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kì hạch toán theo đúng quy định của cơ chế quản lý tài chính.
- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động.
- Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại, từng khâu, lao vụ, dịch vụ.
- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

✚ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh



Chú thích:

- (1): Kết chuyển giá vốn hàng bán
- (2): Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- (3): Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác
- (4): Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- (5): Kết chuyển doanh thu thuần

(6): Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

(7): Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác

(8): Kết chuyển lỗ

(9): Kết chuyển lãi

1.3. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung

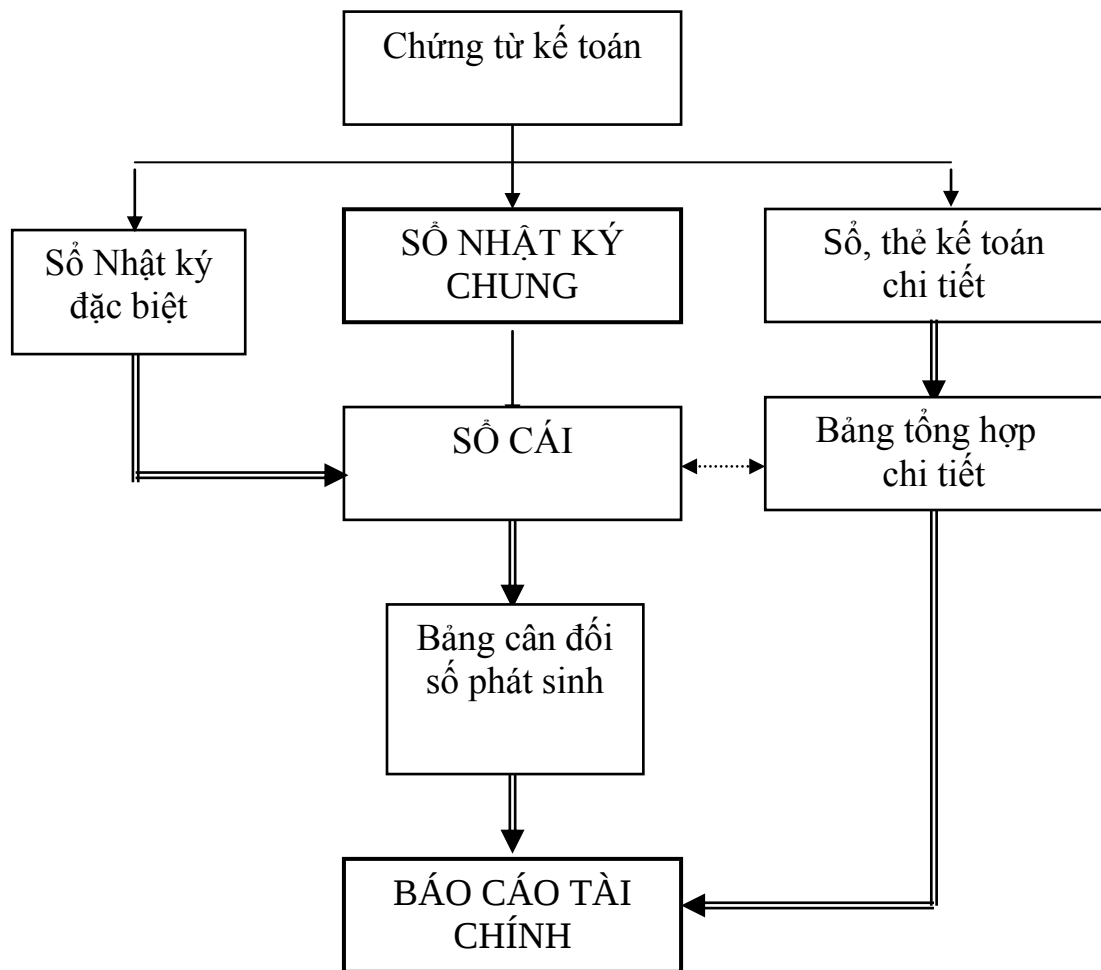
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

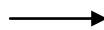
Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung
(áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh)

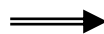


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Chương 2:

TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG.

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu khí Việt Nam.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Tiền thân của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam là Công ty Vận tải Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 638QĐ/TCCB-LĐ ngày 28 tháng 02 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc “Thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải Dầu khí Việt Nam” gọi tắt là FALCON (FALCON SHIPPING COMPANY).

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam

Tên giao dịch tiếng Anh: VIETNAM PETRO SHIPPING JOINT STOCK

Tên viết tắt: FALCON SHIPPING

Địa chỉ trụ sở chính: 172A Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08. 9300997/ 16lines

Fax: 08. 9300995/ 08. 9300996

Email: falcon@falconship.com

Website: www.falconship.com

Telex: 811319 VT

Tại thời điểm Cổ phần hóa cơ cấu vốn của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ Cổ phần Nhà nước: 40.800.000.000 đồng (51%)
- Tỷ lệ Cổ phần CB-CNV trong doanh nghiệp: 7.707.000.000 đồng(9,63%)
- Tỷ lệ cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác: 31.493.000.000 đồng(39,37%)
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam.

- *Hình thức sở hữu vốn:* doanh nghiệp cổ phần.
- *Lĩnh vực kinh doanh:* kinh doanh thương mại và dịch vụ
- *Ngành nghề kinh doanh:*

Công ty cung cấp tất cả các loại hình dịch vụ hàng hải như:

- Logistics & đại lý hàng hải.
- Lai dắt và sửa chữa tàu biển.
- Cung cấp trang thiết bị vật tư hàng hải.
- Cung cấp thuyền viên.
- Môi giới hàng hải.
- Thiết kế chế tạo và lắp đặt thiết bị nâng chuyển
- Xây dựng và khai thác bến phao và cảng biển.

Chi nhánh công ty cổ phần vận tải dầu khí Việt nam tại Hải Phòng là 1 trong 21 chi nhánh của tổng công ty trên toàn quốc. Falcon Hai Phong cung cấp 4 loại dịch vụ chính:

- Dịch vụ đại lý
- Dịch vụ vận tải
- Dịch vụ tàu lai
- Dịch vụ giao nhận

Trụ sở chính của chi nhánh hiện ở phòng 516 tòa nhà TD Business Center, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền Hải Phòng.

Số điện thoại liên lạc: 0313.823.347

Số Fax : 0313.823.348

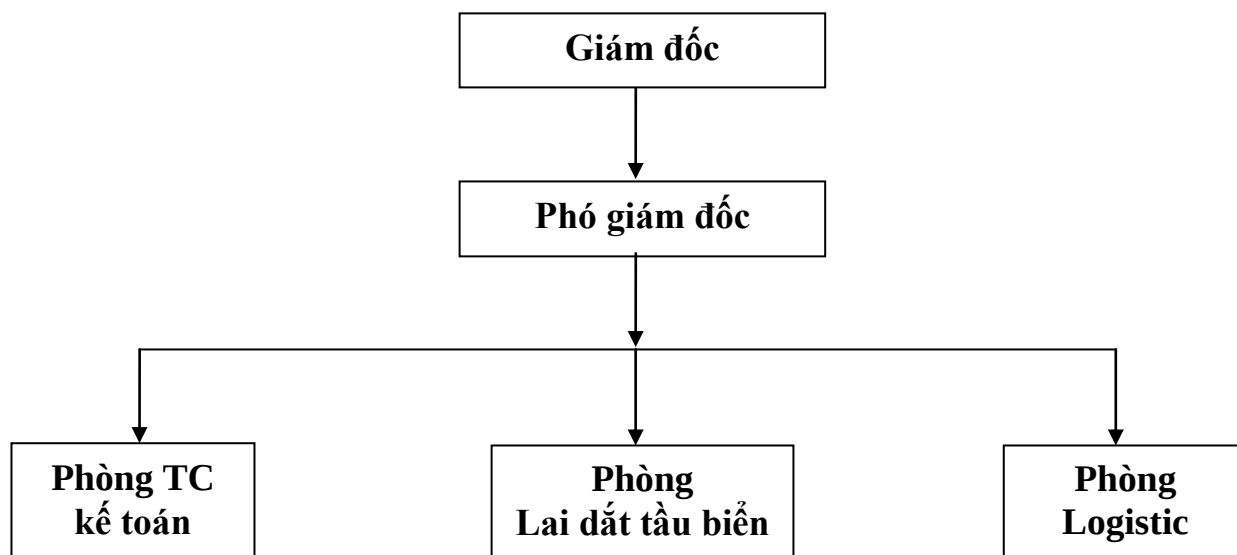
Email: falcon.hp@falconship.com

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng hoạt động theo điều lệ của Tổng công ty. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực

tuyển với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty Falcon Hải Phòng



Giám đốc: là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty.

Phó giám đốc: Phó giám đốc là người tham mưu, hỗ trợ giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc, trước Nhà nước về nhiệm vụ của mình được Giám đốc phân công. PGĐ phối hợp các phòng ban trong công ty để lập và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với xu thế của thị trường, quản lý chắc chắn các loại vốn, hạch toán thu tài chính theo đúng chế độ của Nhà Nước.

Phòng kế toán tài chính: Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của Công ty và các quỹ để lại.

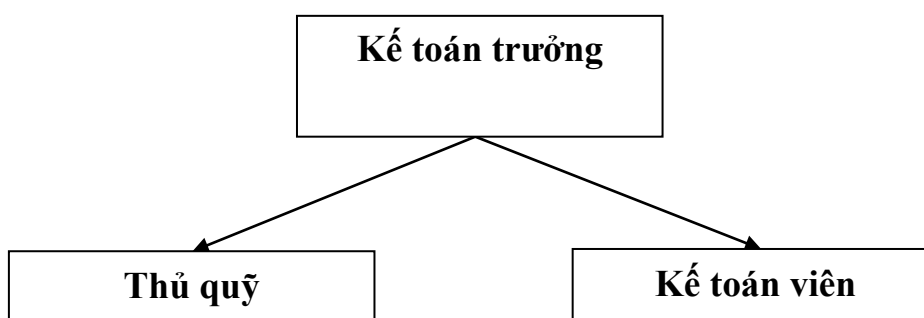
Phòng lai dắt tàu biển: Khai thác tàu kéo và lai dắt của Công ty hay đi thuê như kéo và lai dắt xà lan các phương tiện thủy, hỗ trợ tàu ra vào cảng, phục vụ cho việc khai thác dầu khí.

Phòng Logistic: Thay mặt công ty thực hiện các dịch vụ làm đại lý tàu biển cho các tàu của Công ty và các khách hàng có nhu cầu; nhận hợp đồng và thuê vận tải

2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng

Bộ máy kế toán tại Falcon Hải Phòng gồm 5 người, tất cả nhân viên Kế toán đều tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính - Kế toán. Toàn bộ các nhân viên kế toán chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Kế toán trưởng về nghiệp vụ và quan hệ khác trong chuyên môn.

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Falcon Hải Phòng



Kế toán trưởng:

Điều hành kế toán viên, là người theo dõi, kiểm tra, tập hợp số liệu do các kế toán viên gửi lên, theo dõi chi tiết về chi phí sản xuất - kinh doanh, chi phí quản lý của doanh nghiệp, lập báo cáo quyết toán theo quy định. Tham mưu cho Giám đốc chính sách tài chính của Công ty.

Thủ quỹ:

Cùng với kế toán thanh toán hằng ngày thủ quỹ căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và căn cứ vào theo hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi để thu và chi tiền, kiểm kê báo cáo quỹ hàng ngày.

Nhân viên kế toán:

Tổng hợp số liệu, kế toán bán hàng, tiền lương, TSCĐ, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ phải thu phải trả để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc.

*** Chế độ kế toán áp dụng.**

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

Hệ thống sổ chi tiết và sổ tổng hợp, báo cáo được thực hiện ghi chép theo đúng quy định, phù hợp với quy mô hoạt động của công ty.

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

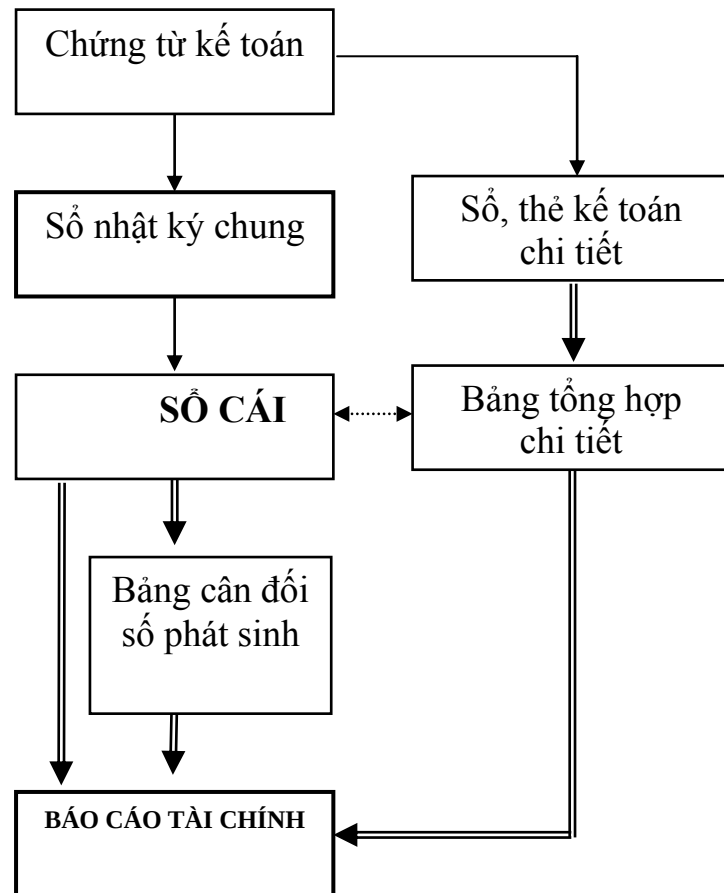
Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam.

Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Trình tự ghi sổ kế toán:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán gốc đã được kiểm tra (các hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ chi tiết, sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu ghi trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Các chính sách kế toán áp dụng tại chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng

- Chế độ kế toán áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.
- Kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Phương pháp hạch toán và kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.

2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty Vận Tải Dầu Khí Việt Nam tại Hải Phòng kinh doanh dưới 2 hình thức thương mại và dịch vụ:

- Hoạt động thương mại là mua và bán đá đen
- Hoạt động cung cấp dịch vụ:
 - + Dịch vụ vận tải
 - + Dịch vụ đại lý
 - + Dịch vụ tàu lai
 - + Dịch vụ giao nhận

Doanh thu được chia làm 2 loại:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch
- + Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí chia làm 3 loại:

+ Giá vốn: Trong quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán tập hợp chi phí vào TK 627-Chi phí sản xuất chung, cuối quý kế toán kết chuyển sang TK632-giá vốn hàng bán. Giá vốn được kết chuyển từng quý sau khi tập hợp các chi phí sản xuất chung

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Chi phí hoạt động tài chính

Công ty xác định kết quả kinh doanh theo chu kỳ năm vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt nam tại Hải Phòng.

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu

a. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Chứng từ sử dụng

Các chứng từ được sử dụng để ghi nhận doanh thu tại công ty:

+ Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)

+ Đơn đặt hàng

+ Hợp đồng

+ Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)

+ Giấy báo có

Tài khoản sử dụng

* Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa.

Chi tiết 51111: Doanh thu bán đá đen

- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.

51132: Doanh thu Dịch vụ vận tải nội địa

51134: Doanh thu khai thác cảng (tàu lai)

511351: Doanh thu dịch vụ đại lý

511352: Doanh thu dịch vụ giao nhận

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan khác: TK 131, 111, 112, 3331,...

** Phương pháp hạch toán:**

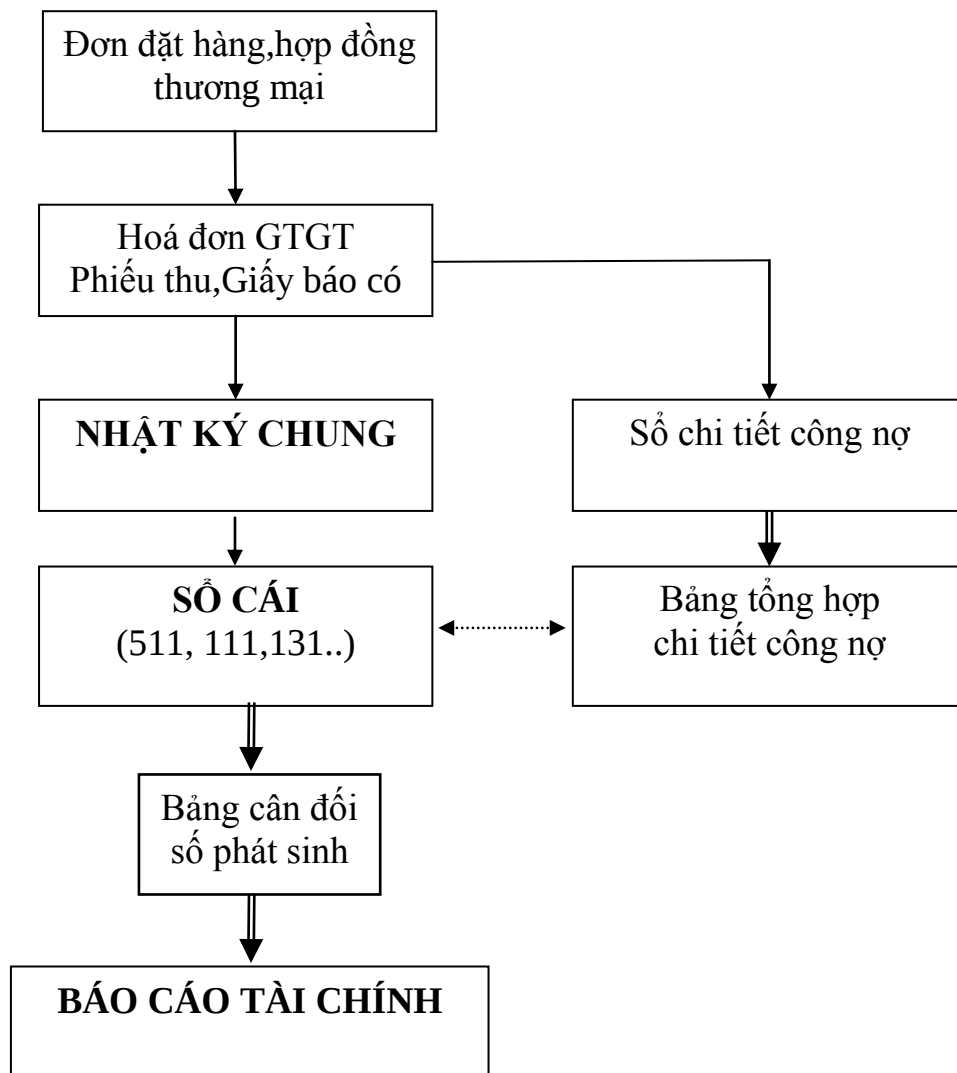
- Căn cứ vào hoá đơn bán hàng kê toán vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết công nợ với từng khách hàng.
- Căn cứ vào các nghiệp vụ phát sinh ghi trong sổ nhật ký chung kê toán phản ánh vào sổ cái các tài khoản tương ứng.
- Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết công nợ của từng khách hàng kê toán lập bảng tổng hợp công nợ là căn cứ đối chiếu với sổ cái TK 131.
- Cuối năm kê toán cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

Do công ty không áp dụng các chính sách giảm giá hàng bán hay chiết khấu thương mại. Vì vậy, công ty không hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu và doanh thu thuần trong kỳ được xác định chính là doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Thuế GTGT phải nộp = Trị giá thanh toán chưa thuế x %Thuế suất

Tại công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nên không sử dụng tài khoản phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu (TK 521, TK 531, TK 532)

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

✚ Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Ngày 20/10 nhận được đơn đặt hàng của công ty Xi Măng Chinfon đặt hàng 1000 tấn đá đen, kế toán gửi cho khách hàng bảng báo giá với đơn giá chưa VAT 10% là 700.000đ/tấn, khách hàng chấp thuận và ký hợp đồng thương mại. Ngày 25/10 hàng được chuyển cảng cho công ty Xi măng Chinfon theo hợp đồng, kế toán viết hoá đơn, giao liên 2 cho khách hàng và lần lượt vào sổ.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số : 01 GTKT – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GE / 2010B			
Liên 3: Nội bộ		0065296			
Ngày 25 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CN CTY CP V Ậ N T Ậ I D Ậ U KH Ậ I VN T Ậ I HP					
Địa chỉ : P516 Toà nhà TD Business Center - L ê Hồng Phong - NQ - HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại:MST: 0300447310-002					
Họ , tên người mua hàng: Lương Văn Tài					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Xi Măng Chinfon					
Địa chỉ : Phà Rừng - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng					
Số tài khoản : 0611001769588					
Hình thức thanh toán :CK ...MST: 0101089290					
STT	Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3 = 1x2
	Đá đen	<u>tấn</u>	1.000	700.000	700.000.000
Cộng tiền hàng:					700.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		70.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					770.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm bảy mươi triệu đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 2: Ngày 17/09/2010 Công ty nhận được một hợp đồng vận chuyển Clinker rời từ Hạ Long Quảng Ninh tới TP Hồ Chí Minh của Công ty CP Vận Tải Biển Đông Phong với phí vận chuyển đã bao gồm VAT là: 185 000 đồng/tấn. Để vận chuyển số hàng này công ty lại hợp đồng với Công ty CP Đại Lý Vận Tải Biển Tiên Linh với phí vận chuyển đã có VAT là: 180 000 đồng/tấn.

Ngày 04/10/2010 hàng được vận chuyển tới bến với Biên bản nghiệm thu (Draft Survey Record), trên căn cứ vào biên bản nghiệm thu kế toán viết hóa đơn đầu ra số 0065277 và nhận được hoá đơn đầu vào số 0048462

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số : 01 GTKT – 3LL	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GE / 2010B	
Liên 3: Nội bộ		0065277	
Ngày 04 tháng 10 năm 2010			
Đơn vị bán hàng: CN CTY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TÀI HP			
Địa chỉ : P516 Toà nhà TD Business Center - Lê Hồng Phong - NQ - HP			
Số tài khoản:			
Điện thoại:MST: 0300447310-002			
Họ , tên người mua hàng: Lương Văn Tài			
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần vận tải biển Đông Phong			
Địa chỉ : Số 10 Lê Thánh Tông – Đông Hải - Hải Phòng			
Số tài khoản : 0611001769588			
Hình thức thanh toán :CK ...MST: 0200952713			

STT	Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Cước vận chuyển		3864,244	108.182	646.869.008
Cộng tiền hàng:					646.869.008
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 64 686 132
Tổng cộng tiền thanh toán:					711 555 140
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm mười một triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm bốn mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Căn cứ vào hợp đồng thương mại và hoá đơn kế toán vào sổ nhật ký chung.

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Chứng từ		Loại CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		214.780.152.423	214.780.152.423
04/10	0044 8462	HĐ ĐV	Cước vận chuyển Clinker	62771 133 331	629.385.382 62.938.538	692.323.920
04/10	0065 277	HĐ ĐR	Thu cước vận chuyển Clinker	1121 333 51132	771.555.140	64.686.132 646.869.008
20/10	0048 484	HĐ ĐV	Chi phí mua đá đen	6271 133 331	50.000.000 5.000.000	55.000.000
25/10	0065 296	HĐ ĐR	Bán đá đen của Công ty Ximăng Chinfon	1121 333 51111	770.000.000	70.000.000 700.000.000
...	...	...	...	...	...	...
08/12	T11	BTTL /T11	Tính lương bộ phận quản lý T11	642 334	93.990.000	93.990.000
08/12	T11	BTTL /T11	Chi phí ăn ca T11	642 334	10.950.000	10.950.000
...	...	...	...	...	...	...
25/12	0048 789	HĐ ĐV	Cước phí vận chuyển đá đen	62771 133 331	12.000.000 1.200.000	13.200.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	T12	BPB KH	Trích khấu hao T12	642 214	1.483.631	1.483.631
31/12	27	PKT	Hạch toán chênh lệch tỷ giá T12	635 1122	5.235.100	5.235.100
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng		267.926.224.309	267.926.224.309

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a4-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Quý 4 Năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua	Ghi có tài khoản doanh thu				
	Số hiệu	Ngày tháng			TK51111	TK51132	TK51134	TK511351	TK511352
...									
04/10	0065277	04/10	Thu cước vận chuyển Clinker	1121		646.869.008			
25/10	0065296	25/10	Bán đá đen cho công ty Xi măng ChinFon	1121	700.000.000				
.....									
			Cộng		825.000.000	1.112.210.230	81.000.000	128.356.520	103.689.400

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>			
04/10	0065277	04/10	<i>Thu cước vận chuyển Clinker</i>	112		646 869 008
						
25/10	0065296	25/10	<i>Thu tiền bán đá đen của công ty Xi Măng Chifon</i>	112		700 000 000
						
31/12	PKT30	31/12	<i>Kết chuyển doanh thu quý 4</i>	911	2 250 256 150	
			<i>Cộng phát sinh</i>		2 250 256 150	2 250 256 150
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái tài khoản liên quan khác như: 111, 131, 112, 333.

Đồng thời công ty cũng mở sổ chi thiết theo dõi công nợ:

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 1311

Đối tượng: Công ty Xi măng ChínFon

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ				21.500.000	
		Số phát sinh					
							
0065 281	08/10	Bán đá đen	333 51111	5.000.000 50.000.000		65.000.000	
GBC 965	05/11	Thanh toán	1121		80.000.000	10.500.000	
0065 342	16/12	Bán đá đen	333 51111	6.000.000 60.000.000		90.000.000	
GBC 1105	27/12	Thanh toán	1121		75.000.000	16.600.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh		250.000.000	254.900.000		
		Tồn cuối kỳ				16.600.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Quý 4 năm 2010

S T T	Tên người mua	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	C.ty xi măng ChínFon	21.500.000		250.000.000	254.900.000	16.600.000	
2	C.ty Vận Tải Cảng Cái Lân	30.000.000		150.750.000	180.750.000		
3	C.ty CP Container VN	50.000.000		180.000.000	250.000.000		20.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	375.000.000		950.000.000	900.000.000	425.000.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

b. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính

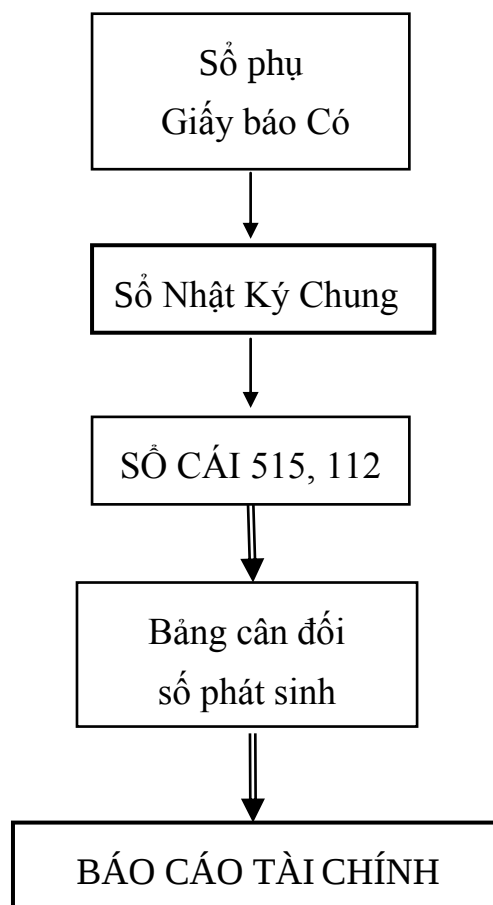
Doanh thu hoạt động tài chính của CN Công ty Vận Tải Dầu Khí VN tại HP chỉ bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

✚ **Chứng từ sử dụng:** Giấy báo Có của ngân hàng

✚ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515, 112.

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ doanh thu tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

✚ **Ví dụ:**

Ngày 31/12/2010 nhập lãi tiền gửi Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam CN Hải Phòng số tiền 164.241VNĐ theo sổ phụ tài khoản số 3925.

Căn cứ vào giấy báo có kế toán ghi vào nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 515.

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

<i>Chứng từ</i>		<i>Loại CT</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
<i>Ngày</i>	<i>Số</i>				<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>		214.780.152.423	214.780.152.423
04/10	0048462	HĐ ĐV	Cước vận chuyển Clinker	62771 133 331	629.385.382 62.938.538	692.323.920
04/10	0065277	HĐ ĐR	Thu cước vận chuyển Clinker	1121 333 511	771.555.140	64.686.132 646.869.008
20/10	0048484	HĐ ĐV	Chi phí mua đá đen	6271 133 331	500.000.000 50.000.000	550.000.000
...	...	...	...	...	...	...
08/12	T11	BTTL/ T11	Tính lương bộ phận quản lý T11	642 334	93.990.000	93.990.000
...	...	...	...	...	...	...
25/12	0048789	HĐ ĐV	Cước phí vận chuyển đá đen	62771 133 331	120.000.000 12.000.000	132.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	T12	BPBK H	Trích khấu hao T12	642 214	1.483.631	1.483.631
31/12	3925	SP TK	Nhập lãi NH VND T12/10	1121 515	164.241	164.214
...	...	...	...	...	...	...
			<i>Cộng</i>		267.926.224.309	267.926.224.309

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10			
			Số phát sinh trong tháng			
						
31/12	SP 3925	31/12	Nhập lãi TGNH VND T12/10	112		164.214
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	1.677.691	
			Cộng phát sinh		1.677.691	1.677.691
			Số dư cuối quý 4		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí tại CN Công ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Khí Việt Nam Tại Hải Phòng

a. Thực trạng tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

- Do đặc thù kinh doanh của công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ và bán thêm mặt hàng đá đen nhưng không nhiều nên giá vốn được tập hợp hoàn toàn từ chi phí sản xuất chung.

- Chi phí sản xuất chung (TK627) của công ty là toàn bộ chi phí phát sinh trong nghiệp vụ bán hàng hoặc nghiệp vụ cung cấp dịch vụ để tạo ra doanh thu tương ứng của nghiệp vụ đó. Tức là mặt hàng đá đen được nhập về trước khi bán theo đơn đặt hàng cũng được cho vào chi phí sản xuất chung(TK627) mà không hạch toán vào TK156 – hàng hoá.

Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT – liên 2
- + Đơn đặt hàng
- + Hợp đồng
- + Phiếu chi (Mẫu số 01-TT)
- + Giấy báo nợ

Tài khoản sử dụng:

- + TK632: Giá vốn hàng bán
- + TK6271: CP bán đá đen
- + TK62771: CP dịch vụ vận tải
- + TK62772: CP dịch vụ đại lý
- + TK62773: CP dịch vụ tàu lai
- + TK62774: CP dịch vụ giao nhận
- + TK154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Phương pháp hạch toán:

- Khi nhận được hoá đơn đầu vào: Nợ TK627(chi tiết)

Nợ TK133

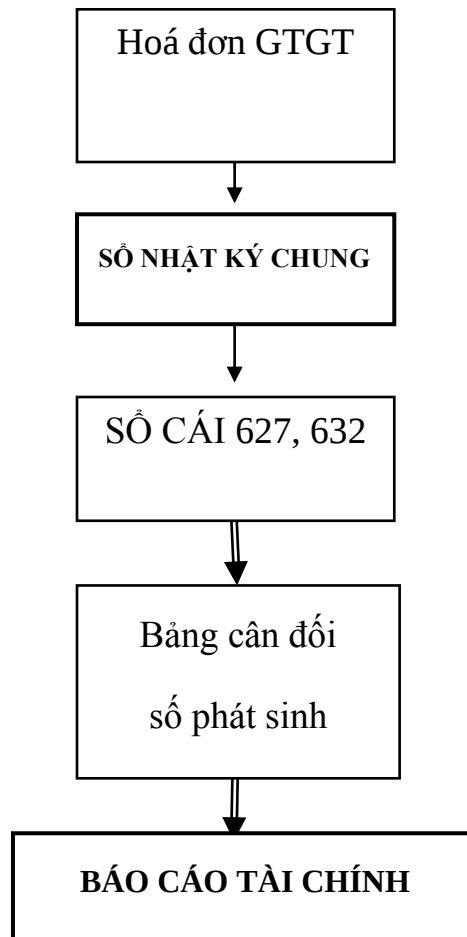
Có TK331

- Cuối quý kế toán tập hợp chi phí và kết chuyển sang giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632

Có TK 627

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <----->

 Ví dụ:

Ví dụ 1: Ngày 17/09/2010 Công ty nhận được một hợp đồng vận chuyển Clinker rời từ Hạ Long Quảng Ninh tới TP Hồ Chí Minh của Công ty CP Vận Tải Biển Đông Phong với phí vận chuyển đã bao gồm VAT là: 185 000 đồng/tấn. Để vận chuyển số hàng này công ty lại hợp đồng với Công ty CP Đại Lý Vận Tải Biển Tiến Linh với phí vận chuyển đã có VAT là: 180 000 đồng/tấn.

Ngày 04/10/2010 hàng được vận chuyển tới bến với Biên bản nghiệm thu (Draft Survey Record), trên căn cứ vào biên bản nghiệm thu kế toán viết hóa đơn đầu ra số 0065277 và nhận được hoá đơn đầu vào số 0048462

Căn cứ vào các chứng từ kế toán định khoản:

+ Khi nhận được hoá đơn đầu vào: Nợ TK62771 : 629 385 382

Nợ TK133: 62 938 538

Có TK331: 692 323 920

+ Cuối quý kế toán tập hợp chi phí và kết chuyển sang giá vốn hàng bán:

Ví dụ 2: Ngày 20/10/2010 để thực hiện đơn đặt hàng của công ty Xi Măng Chinfon công ty đã hợp đồng mua 1000 tấn đá đen với đơn giá 500.000 đ/tấn (chưa VAT) của công ty Cổ phần Cảng Cái Lân đồng thời hợp đồng vận chuyển với công ty CP Đại Lý Vận Tải Biển Tiến Linh cước phí 120.000 đ/tấn (chưa VAT). Căn cứ vào Hoá đơn GTGT - liên đồ nhân viên bộ phận Logistic gửi về kế toán định khoản:

+ Chi phí mua đá đen- theo HĐ ĐV 0048484 ngày 20/10:

Nợ TK 6271: 500.000.000

Nợ TK 133: 50.000.000

Có TK 331: 550.000.000

+ Chi phí vận chuyển – theo HĐ ĐV 0048789 ngày 25/10:

Nợ TK 62771: 120.000.000

Nợ TK 133: 12.000.000

Có TK 331: 132.000.000

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

<i>Chứng từ</i>		<i>Loại CT</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
<i>Ngày</i>	<i>Số</i>				<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>		214.780.152.423	214.780.152.423
04/10	00484 62	HĐ ĐV	Cước vận chuyển Clinker	62771 133 331	629.385.382 62.938.538	692.323.920
04/10	00652 77	HĐ ĐR	Thu cước vận chuyển Clinker	112 333 51132	771.555.140	64.686.132 646.869.008
20/10	00484 84	HĐ ĐV	Chi phí mua đá đen	6271 133 331	500.000.000 50.000.000	550.000.000
...	...	...	...	...	...	...
08/12	T11	BTTL/ T11	Tính lương bộ phận quản lý T11	642 334	93.990.000	93.990.000
09/12	1011	PC 12	Chi tiền điện T11	642 133 111	2.750.592 275.059	3.025.651
25/12	00487 89	HĐ ĐV	Cước phí vận chuyển đá đen	62771 133 331	120.000.000 12.000.000	132.000.000
31/12	3925	SPTK 8	Nhập lãi TGNH tháng 12	1121 515	164.241	164.241
31/12	PKT 29	PKT	Kết chuyển chi phí sản xuất chung quý 4	632 627	1 956 128 352	1 956 128 352
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng		267.926.224.309	267.926.224.309

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: TK62771

Đối tượng: Chi phí sản xuất dịch vụ vận tải

Năm 2010

Loại tiền: VND

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>					
		<i>Số phát sinh</i>					
							
0048 462	04/10	<i>Cước vận chuyển Clinker</i>	331	629 385 382		785.385.382	
.....							
0048 789	25/12	<i>Cước vận chuyển đá đen</i>	331	120.000.000		925.586.225	
PKT2 9	31/12	<i>Kết chuyển chi phí dịch vụ vận tải</i>	632		925.586.225		
		<i>Cộng phát sinh</i>		925.586.225	925.586.225		
		<i>Tồn cuối kỳ</i>					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**Tài khoản: 627****Năm 2010**

S T T	Khoản mục	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	TK6271-Chi phí mua đá đen			732.420.000	732.420.000		
2	TK62771-CP dịch vụ vận tải			925.586.225	925.586.225		
3	TK62772-CP dịch vụ đại lý			75.000.000	75.000.000		
4	TK62773-CP dịch vụ tàu lai			125.356.520	125.356.520		
5	TK62774-CP dịch vụ giao nhận			97.765.607	97.765.607		
	Cộng			1.956.128.352	1.956.128.352		

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

+ Cuối quý kế toán tập hợp chi phí và kết chuyển sang giá vốn hàng bán:

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

PHIẾU KẾ TOÁN**Năm 2010****số 29**

S T T	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	632	627	1.956.128.352 1.956.128.352	632	6271	732.420.000
					632	62771	925.586.225
					632	62772	75.000.000
					632	62773	125.356.520
					632	62774	97.765.607
	Cộng						1.956.128.352

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
						
04/10	<i>HĐ ĐV 0048462</i>	04/10	<i>Cước phí vận chuyển Clinker QN-TPHCM</i>	331	629 385 382	
						
20/10	<i>HĐ ĐV 0048484</i>	20/10	<i>Mua đá đen</i>	331	500 000 000	
.....	...					
25/10	<i>HĐ ĐV 0048489</i>	25/10	<i>Phí vận chuyển đá đen</i>	331	120 000 000	
31/12	<i>PKT29</i>	31/12	<i>Kết chuyển chi phí sản xuất chung quý 4</i>	632		1 956 128 352
						
			<i>Cộng số phát sinh</i>		1 956 128 352	1 956 128 352
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
31/12	PKT29	31/12	<i>Kết chuyển chi phí sản xuất chung quý 4</i>	627	1 956 128 352	
31/12	PKT 31	31/12	<i>Kết chuyển giá vốn hàng bán</i>	911		1 956 128 352
			<i>Cộng số phát sinh</i>		1 956 128 352	1 956 128 352
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

b. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

✚ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, hoá đơn GTGT, bảng thanh toán lương,....

✚ **Tài khoản sử dụng:** TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

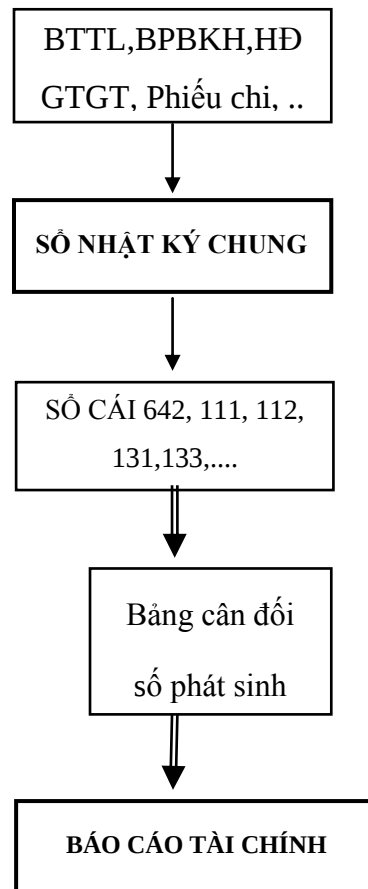
Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

✚ **Phương pháp hạch toán:**

Do đặc thù cung cấp dịch vụ là chủ yếu và có thêm hoạt động mua bán đá đen theo hợp đồng nên công ty không có chi phí bán hàng, mọi chi phí duy trì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đều đưa vào TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 642:

Có TK 111,112,131,133,141...

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

*** Ví dụ:**

Ngày 08/12, Hạch toán lương cho nhân viên:

- Chi phí lương = Tiền lương + Tiền công
- Ngoài ra phụ cấp ăn ca 550.000/người/tháng cũng được hạch toán vào lương.

Từ chứng từ gốc trên kế toán vào nhật ký chung rồi vào các sổ cái liên quan.

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2010

Chứng từ		Loại CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		214.780.152.423	214.780.152.423
04/10	00484 62	HĐ ĐV	Cước vận chuyển Clinker	62771 133 331	629.385.382 62.938.538	692.323.920
04/10	00652 77	HĐ ĐR	Thu cước vận chuyển Clinker	1121 333 51132	771.555.140	64.686.132 646.869.008
20/10	00484 84	HĐ ĐV	Chi phí mua đá đen	6271 133 331	500.000.000 50.000.000	550.000.000
25/10	00652 96	HĐ ĐR	Bán đá đen cho Công ty Xi măng Chínfon	1121 333 51111	770.000.000	70.000.000 700.000.000
...	...	...	...	...	...	...
08/12	T11	BTTL/ T11	Hạch toán lương T11/2010	642 334	93.990.000	93.990.000
08/12	T11	BTTL/ T11	Chi phí ăn ca T11/2010	642 334	10.950.000	10.950.000
09/12	1011	PC 12	Chi tiền điện T11	642 133 1111	2.750.592 275.059	3.025.651
...	...	...	...	...	...	...
25/12	00487 89	HĐ ĐV	Cước phí vận chuyển đá đen	62771 133 331	120.000.000 12.000.000	132.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	T12	BPBK H	Trích khấu hao T12	642 214	1.483.631	1.483.631
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng		267.926.224.309	267.926.224.309

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
						
08/12	BTTL/T11	08/12	Hạch toán tiền lương tháng 11/2010	334	93.990.000	
08/12	BTTL/T11	08/12	Chi phí ăn ca T11/2010	334	10.950.000	
09/12	PC12/1011	09/12	Chi tiền điện tháng 11	111	2.750.592	
...	...	...	...	...		
31/12	BPBKHT12	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	1.483.631	
31/12	PKT 28	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý quý 4	911		152.364.758
			Cộng số phát sinh		152.364.758	152.364.758
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

c. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính

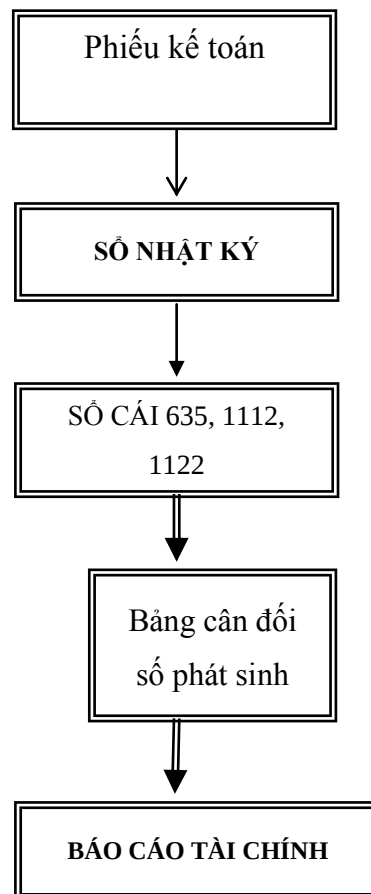
Chi phí hoạt động tài chính của công ty là các khoản lỗ tỷ giá ngoại tệ mà chủ yếu là tỷ giá ngoại tệ gửi ngân hàng.

+ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu hạch toán chênh lệch tỷ giá

+ **Tài khoản sử dụng:** TK635- Chi phí hoạt động tài chính

+ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ chi phí hoạt động tài chính

**Ghi chú:**

Ghi cuối năm, hoặc định kỳ $\Rightarrow$

*** Ví dụ:**

Cuối ngày 31/12/2010 kế toán hạch toán chênh lệch tỷ giá.

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2010

số 28

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Hạch toán chênh lệch tỷ giá gốc ngoại tệ	635	112	5 235 100	635	1122	5 235 100
	Cộng			5 235 100			5 235 100

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Sau khi vào sổ nhật ký chung kế toán vào các sổ cái liên quan

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

<i>Chứng từ</i>		<i>Loại CT</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
<i>Ngày</i>	<i>Số</i>				<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>		214.780.152.423	214.780.152.423
04/10	004 846 2	HĐ ĐV	Cước vận chuyển Clinker	62771 133 331	629.385.382 62.938.538	692.323.920
20/10	004 848 4	HĐ ĐV	Chi phí mua đá đen	6271 133 331	500.000.000 50.000.000	550.000.000
25/10	006 529 6	HĐ ĐR	Công ty Xi măng Chinfon thanh toán tiền đá đen bằng CK	1121 333 511	770.000.000	70.000.000 700.000.000
...	...	...	...	...	...	...
08/12		BTTL/ T11	Tính lương bộ phận quản lý T11	642 334	93.990.000	93.990.000
...	...	...	...	...	...	...
25/12	004 878 9	HĐ ĐV	Cước phí vận chuyển đá đen	62771 133 331	120.000.000 12.000.000	132.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	28	PKT	Hạch toán chênh lệch tỷ giá	635 1122	5 235 100	5 235 100
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng		267.926.224.309	267.926.224.309

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
						
<i>31/12</i>	<i>PKT28</i>	<i>31/12</i>	<i>Hạch toán chênh lệch tỷ giá gốc ngoại tệ</i>	<i>112</i>	<i>5 235 100</i>	
<i>31/12</i>	<i>PKT 31</i>	<i>31/12</i>	<i>Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>911</i>		<i>5 235 100</i>
			<i>Cộng số phát sinh</i>		<i>5 235 100</i>	<i>5 235 100</i>
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Khí Việt Nam Tại Hải Phòng

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả. Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Nội dung kết quả kinh doanh của CN Công ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Khí Việt Nam Tại Hải Phòng bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Kết quả hoạt động tài chính.

Tài khoản sử dụng:

- + Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu của TK 911:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khác
- Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

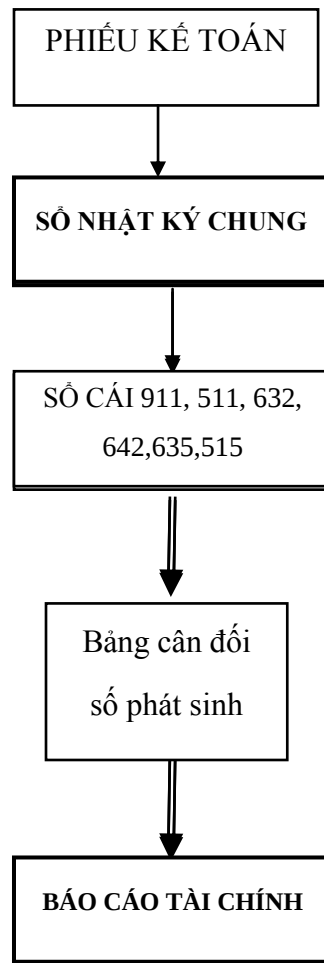
TK 911 không có số dư cuối kỳ

- + Các tài khoản liên quan khác: TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Chứng từ sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản liên quan: 911, 421, 641, 642, 632, 511...

Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ xác định kết quả kinh doanh

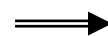


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2010

số 30

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết Tk		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	2.250.256.150			
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.667.691			
	Cộng			2.251.923.841			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP PHIẾU

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2010

số 31

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.956.128.352			
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	152.364.758			
3	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	5.235.100			
	Cộng			2.113.728.210			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP PHIẾU

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2010

số 32

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	333	34.551.408	821	3334	34.551.408
2	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	34.551.408			
3	Kết chuyển lãi	911	421	103.654.583			
	Cộng			172.757.399			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP PHIẾU

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Chứng từ		Loại CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		214.780.152.423	214.780.152.423
			...			
31/12	30	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	2.250.256.150	
				911		2.250.256.150
31/12	30	PKT	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	1.667.691	
				911		1.667.691
31/12	31	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	1.956.128.352	
				632		1.956.128.352
31/12	31	PKT	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	152.364.758	
				642		152.364.758
31/12	31	PKT	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	5.235.100	
				635		5.235.100
31/12	32	PKT	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	34.551.408	
				3334		34.551.408
31/12	32	PKT	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	22.118.623	
				821		34.551.408
31/12	32	PKT	Kết chuyển lãi	911	34.551.408	
				421		103.654.583
			Cộng		267.926.224.309	267.926.224.309

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT30	31/12	KC doanh thu BH	511		2.250.256.150
31/12	PKT30	31/12	KC doanh thu TC	515		1.677.691
31/12	PKT31	31/12	KC giá vốn	632	1.956.128.352	
31/12	PKT31	31/12	KC CP QLDN	642	152.364.758	
31/12	PKT31	31/12	KC CP tài chính	635	5.235.100	
31/12	PKT32	31/12	Kc thuế TNDN	821	34.551.408	
31/12	PKT32	31/12	LN sau thuế	421	103.654.583	
			Cộng phát sinh		2.261.185.697	2.261.185.697
			Tồn cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thuế TNDN

Số hiệu: 821

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh</i>			
31/12	PKT32	31/12	<i>Thuế TNDN</i>	3334	34.551.408	
31/12	PKT32	31/12	<i>KC thuế TNDN</i>	911		34.551.408
			<i>Cộng phát sinh</i>		34.551.408	34.551.408
			<i>Tồn cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			<i>750.352.664</i>
			<i>Số phát sinh</i>			
<i>31/12</i>	<i>PKT32</i>	<i>31/12</i>	<i>KC thuế TNDN</i>	<i>911</i>		<i>103.654.583</i>
			<i>Cộng phát sinh</i>			
			<i>Tồn cuối kỳ</i>		<i>-</i>	<i>854.007.247</i>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	01	VI.25	9.612.050.423	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		9.612.050.423	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	7.703.253.451	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.908.796.972	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	81.921.693	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	62.275.250	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.275.250	
8. Chi phí bán hàng	24		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		734.736.075	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.167.588.704	
11. Thu nhập khác	31		-	
12. Chi phí khác	32		-	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.167.588.704	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	291.897.176	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		875.691.528	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần.

Chương 3:

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá chung về chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.

3.1.1. Đánh giá chung

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của chi nhánh công ty. Do đó bên cạnh những thuận lợi chi nhánh công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và các yếu tố chủ quan khác. Nhưng với tiềm năng sẵn có cùng với sự chỉ đạo của ban lãnh đạo Chi nhánh công ty và sự năng động sáng tạo, nhiệt tình của công nhân viên, chi nhánh công ty đã đạt được một số thành tựu lớn trong kinh doanh. Chi nhánh công ty đã lập cho mình một mạng lưới tiêu thụ phù hợp với từng mặt hàng.

Hơn nữa, để tồn tại và phát triển mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một chiến lược kinh doanh phù hợp với yêu cầu của thị trường. Trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ diễn ra thường xuyên liên tục, làm nảy sinh các mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng, cán bộ công nhân viên, giữa doanh nghiệp với các nhà đầu tư và với Nhà nước. Những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò và tác động rất lớn đến các mối quan hệ này. Chính vì vậy, kế toán trở thành công cụ đắc lực giúp ban giám đốc trong việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế bằng cách cung cấp chính xác kịp thời và đầy đủ các số liệu về kinh tế, phân tích chúng để các nhà quản lý có được một đánh giá đúng đắn thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khắc phục kịp thời những tồn tại và phát huy những ưu điểm, tiềm năng chưa được khai thác từ đó đề ra các phương hướng quyết định sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

3.1.2. Những ưu điểm của Chi nhánh công ty

Cùng với sự phát triển của đất nước, Chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng đã không ngừng phấn đấu để đạt được mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng, đặc biệt là khâu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không ngừng được hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Về công tác kế toán:

Bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm quy mô của công ty. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của chi nhánh công ty gọn nhẹ. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán theo kiểu tập trung đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất, tập trung trong công ty đảm bảo cho kế toán phát huy được vai trò và chức năng của mình tạo điều kiện cho việc phân công lao động, chuyên môn của nhân viên kế toán.

Kế toán chi nhánh công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của Bộ tài chính. Điều đó giúp cho việc ghi sổ kế toán được phù hợp nhanh chóng, chính xác. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được chính xác thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu.

Chi nhánh công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và điều kiện hiện tại của Chi nhánh công ty. Đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với mức độ hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra tại công ty. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian do vậy mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

Công ty luôn chấp hành đúng chính sách chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách giá, thuế, tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Do vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã góp phần bảo vệ tài sản của Chi nhánh công ty.

Về trang thiết bị phục vụ cho các bộ phận khá đầy đủ. Mỗi một nhân viên kế toán đều được trang bị máy vi tính để làm việc nhanh chóng và chính xác hơn.

Về chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

Chi nhánh công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo đúng quy định, chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ được kiểm tra, luân chuyển phù hợp. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển các chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ ở phần hành đó. Vì vậy, đảm bảo không bị chồng chéo.

Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ theo chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước.

Kế toán luôn nắm vững và thường xuyên cập nhập thông tư, quy định và áp dụng các chuẩn mực mới của Bộ tài chính vào công tác hạch toán kế toán.

Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Bộ máy kế toán của chi nhánh công ty phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của chi nhánh công ty. Việc phân công lao động kế toán được đầy mạnh và hoạt động dần đi vào hiệu quả. Kế toán các bộ phận và kế toán tổng hợp có sự phối hợp nhịp nhàng với nhau và hỗ trợ nhau trong công tác kế toán. Kế toán luôn đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác cho ban giám đốc. Đối với bộ phận kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Chi nhánh công ty một cách kịp thời chính xác.

Kế toán doanh thu, chi phí là nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Chi nhánh công ty vì nó liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh, các khoản thu nhập thực tế và phân phải nộp Nhà nước, nó còn phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của Chi nhánh công ty trong lưu thông. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phản ánh một cách đầy đủ các hoạt động kinh tế diễn ra liên quan đến công tác kế toán này, qua đó theo dõi chi tiết tình hình kinh

doanh của từng quý, năm.

Sổ sách kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh được ghi chép rõ ràng, phản ánh cả số liệu chi tiết và số liệu tổng hợp, có kế hoạch quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và kết quả tại đơn vị.

3.1.3. Một số tồn tại cần hoàn thiện.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác kế toán tại Chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng còn có những tồn tại cần khắc phục.

Về hạch toán kế toán:

Chi nhánh công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 nhưng lại không sử dụng tài khoản 641 để hạch toán chi phí bán hàng, thay vào đó tất cả các chi phí bán hàng công ty hạch toán vào TK 627 – chi phí sản xuất chung. Điều này chưa phù hợp với chế độ kế toán ban hành.

Về việc sử dụng sổ kế toán

Đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, có nhiều đơn đặt hàng phát sinh trong ngày tuy nhiên chỉ có những đơn đặt hàng giao luôn trong ngày mới được kế toán phản ánh sổ sách kế toán để xác định doanh thu giá vốn, còn các đơn đặt hàng phát sinh trong ngày nhưng chưa giao hàng thì không được phản ánh trên sổ sách kế toán. Do đó, có thể sẽ không phản ánh đúng doanh thu hàng ngày vì các đơn đặt hàng của khách hàng vẫn có thể sẽ thay đổi. Bởi theo chuẩn mực kế toán số 14 : “Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi doanh nghiệp chuyển giao quyền sở hữu và phần lớn rủi ro sang người mua hàng và được họ thanh toán và chấp nhận thanh toán.”

Theo chuẩn mực này trong trường hợp doanh nghiệp còn chịu phần lớn rủi ro và quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch không được coi là bán hàng và doanh thu không được ghi nhận. Doanh nghiệp còn chịu rủi ro và quyền sở hữu dưới một trong hình thái sau:

- Khi việc thanh toán của người mua còn chưa chắc chắn vì còn phụ thuộc vào người mua

- Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì những lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc về khả năng doanh hàng

hoá có bị trả lại không.

Vì vậy, nếu dựa vào đơn đặt hàng để làm báo cáo doanh thu là chưa hợp lý.

Về ứng dụng tin học vào công tác kế toán

Hiện nay, mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy, đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để phát huy được tác dụng của tin học trong việc quản lý kế toán và giảm bớt khối lượng công việc của kế toán, chi nhánh công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán.

Về hình thức thanh toán:

Đa số khách hàng của Chi nhánh công ty đều thanh toán chậm, có những đơn hàng kéo dài thời hạn thanh toán đến hết vài tháng do đó phần vốn lớn của chi nhánh công ty bị tồn đọng nhiều ở số phải thu khách hàng. Điều này gây rất nhiều bất lợi cho công ty đặc biệt là trong trường hợp công ty cần vốn gấp.

Về việc áp dụng chính sách ưu đãi với khách hàng:

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết Chi nhánh công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù

hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa, báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của Công ty như nhà đầu tư, nhà quản lý, cơ quan thuế, Ngân hàng, ... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy, điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh làm tăng vòng quay vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình. Muốn làm được điều đó, trước hết doanh nghiệp phải làm tốt khâu bán hàng vì:

Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lên các báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp và đưa ra phương hướng kinh doanh của kỳ tới.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phải đem lại hiệu quả kinh tế hơn so với hình thức đang áp dụng tại doanh nghiệp.

Những biện pháp hoàn thiện phải tuân theo các quy chế, chuẩn mực chung và không vi phạm pháp luật. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

Những biện pháp hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm chung của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý. Vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết và kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài kiến nghị nhỏ về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Chi nhánh công ty.

Ý kiến 1:

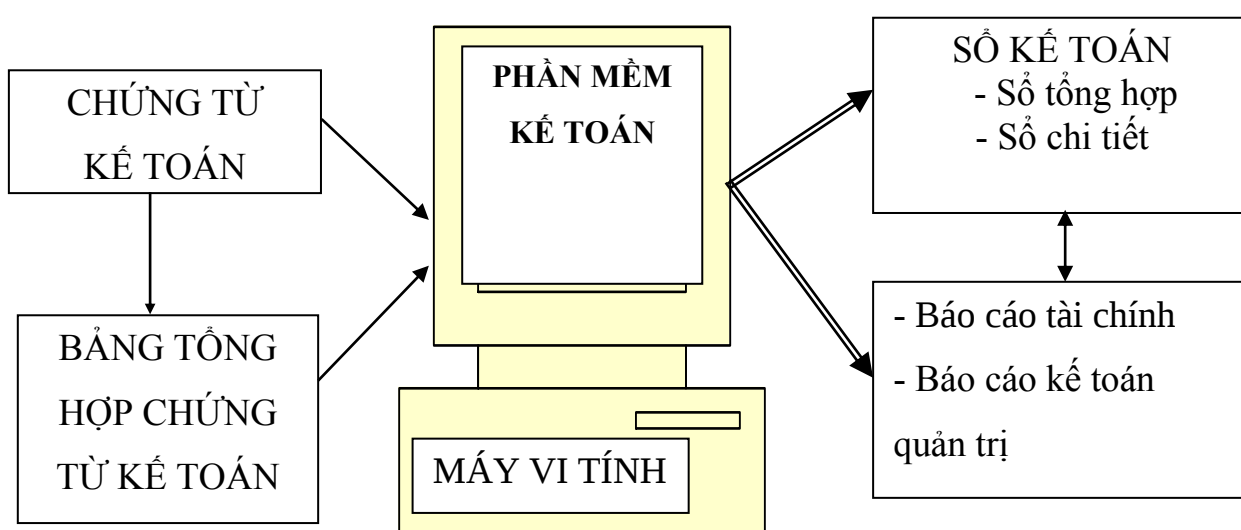
Chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng là một doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, trong một tháng có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép mà công việc kế toán chủ yếu được tiến hành trên Excel do vậy các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch dòng dẫn đến đưa ra các báo cáo không chính xác sẽ ảnh hưởng đến công ty.

Do vậy công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA...

Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ như sau:

Sơ đồ 1.17 TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.

Từ đó lập nên các báo cáo tài chính

Ý kiến 2:

Vì Chi nhánh công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15/QĐ – BTC mà không sử dụng tài khoản 641 để hạch toán chi phí bán hàng, trong khi đó Chi nhánh công ty chuyên cung cấp các dịch vụ là chủ yếu, chi phí bán hàng chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong tổng chi phí. Vì vậy theo em, Chi nhánh công ty nên sử dụng tài khoản 641 để hạch toán riêng chi phí bán hàng để thuận tiện cho việc hạch toán chi phí, xác định kết quả kinh doanh; biết được chính xác tỷ trọng chi phí bán hàng để có các biện pháp tác động, xử lý kịp thời và hơn nữa để phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Ý kiến 3:

Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm cũng cố thêm mối quan hệ với khách hàng, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

❖ Cách thực hiện:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành
- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thương mại dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

❖ **Đối tượng áp dụng:**

- *Đối với khách hàng thường xuyên:* ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.
- *Đối với khách hàng lần đầu:* có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 "*Chiết khấu thương mại*". Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Tại Điểm 5.5 Mục IV Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC (12/12/2003) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP (10/12/2003) của Chính phủ hướng dẫn: “Nếu việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thực tế mua đạt mức nhất định thì số tiền giảm giá của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trên hóa đơn phải ghi rõ số hóa đơn và số tiền được giảm giá”.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

❖ Phương pháp hạch toán:

1. Khi Chi nhánh công ty chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán cho khách hàng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

2. Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

Ví dụ: Ngày 30/10 nhận được đơn đặt hàng của công ty Xi Măng Chinfon đặt hàng 1.000 tấn đá đen, kế toán gửi cho khách hàng bảng báo giá với đơn giá chưa VAT 10% là 700.000đ/tấn, khách hàng chấp thuận và ký hợp đồng thương mại. Ngày 03/11 hàng được chuyển cảng cho công ty Xi măng Chinfon theo hợp đồng. Vì công ty Xi Măng Chinfon đặt hàng với số lượng lớn nên Chi nhánh công ty chiết khấu thương mại 2% cho đơn hàng của công ty Xi Măng Chinfon. Công ty Xi Măng đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Dựa vào đơn hàng trên kế toán định khoản:

a, Nợ TK 1121: 770.000.000

Có TK 3331: 70.000.000

Có TK 511: 700.000.000

b, Nợ TK 521: 14.000.000

Nợ TK 3331: 1.400.000

Có TK 1121: 15.400.000

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

<i>Chứng từ</i>		<i>Loại CT</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
<i>Ngày</i>	<i>Số</i>				<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>		214.780.152.423	214.780.152.423
04/10	00484 62	HĐ ĐV	Cước vận chuyển Clinker	62771 133 331	629.385.382 62.938.538	692.323.920
20/10	00484 84	HĐ ĐV	Chi phí mua đá đen	6271 133 331	500.000.000 50.000.000	550.000.000
...	...	...	...	...	...	...
25/10	00652 96	H Đ ĐR	Bán đá đen cho Ximăng ChinFon	1121 3331 51111 521 3331 1121	770.000.000 14.000.000 1.400.000	70.000.000 700.000.000 15.400.000
...	...	...	...	...	...	...
25/12	48789	HĐ ĐV	Cước phí vận chuyển đá đen	62771 133 331	120.000.000 12.000.000	132.000.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng		267.926.224.309	267.926.224.309

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chiết khấu thương mại

Số hiệu: 521

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
						
25/10		25/10	<i>Chiết khấu thương mại cho Công ty Xi măng Chinfon</i>	1121	14.000.000	
31/12		31/12	<i>Kết chuyển khoản chiết khấu TM</i>	511		14.000.000
...	...	...	...	...	...	...
			<i>Cộng số phát sinh</i>		14.000.000	14.000.000
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ý kiến 4:

Công ty nên có chính sách khuyến khích khách hàng với hình thức chiết khấu thanh toán, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ vận tải - một hoạt động kinh doanh đem lại doanh thu lớn. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như: nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn thì sẽ áp dụng chiết khấu bao nhiêu phần trăm trên tổng giá thanh toán tại thời điểm đó, mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng có thể được xác định dựa vào: tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay của công ty, số tiền mua hàng phát sinh hoặc thời gian thanh toán tiền hàng. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty.

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: chi phí hoạt động tài chính.

❖ Cách thực hiện:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành
- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp
- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể:
 - + Nếu khách hàng thanh toán trong khoảng thời gian từ 1 đến 9 ngày sau khi mua hàng sẽ được hưởng mức chiết khấu 1,5%.
 - + Nếu khách hàng thanh toán tiền từ 10 đến 17 ngày sau khi mua hàng sẽ được hưởng mức chiết khấu 1%.
 - + Nếu khách hàng thanh toán tiền từ 18 đến 25 sẽ được hưởng mức chiết khấu 0,5%.

❖ Phương pháp kế toán:

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán hạch toán:

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

❖ Ví dụ:

Đối với hợp đồng vận chuyển Clinker từ Hạ Long tới TP Hồ Chí Minh của công ty CP Vận Tải Biển Đông Phong với phí vận chuyển đã bao gồm VAT là 711.555.140VND, ngày 04/10/2010 hàng được vận chuyển tới bến đúng theo hợp đồng, Cty Đông Phong thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho Đông Phong với tỷ lệ 1,5%.

Số tiền chiết khấu là: $1,5\% * 711.555.140 = 10.673.327 \text{ VNĐ}$

Kế toán định khoản và vào sổ như sau:

+) Nợ TK1121: 711 555 140

Có TK333: 64 686 132

Có TK511: 646 864 008

+) Nợ TK635: 10.673.327

Có TK1121: 10.673.327

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Chứng từ		Loại CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		214.780.152.423	214.780.152.423
04/10	00484 62	HĐ ĐV	Cước vận chuyển Clinker	62771 133 331	629.385.382 62.938.538	692.323.920
04/10	00652 77	HĐ ĐR	Thu cước vận chuyển Clinker	1121 333 51132	771.555.140	64.686.132 646.869.008
04/10	00652 77	HĐ ĐR	Chiết khấu thanh toán cước vận chuyển Clinker	635 1121	10.673.327	10.673.327
20/10	00484 84	HĐ ĐV	Chi phí mua đá đen	6271 133 331	50.000.000 5.000.000	55.000.000
25/10	00652 96	HĐ ĐR	Bán đá đen cho Công ty Ximăng Chinfon	1121 333 51111	770.000.000	70.000.000 700.000.000
...	...	...	...	...	...	...
08/12	T11	BTTL/ T11	Tính lương bộ phận quản lý T11	642 334	93.990.000	93.990.000
09/12	1011	PC 12	Chi tiền điện T11	642 133 1111	2.750.592 275.059	3.025.651
...	...	...	...	...	...	...
25/12	00487 89	HĐ ĐV	Cước phí vận chuyển đá đen	62771 133 331	12.000.000 1.200.000	13.200.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	T12	BPBK H	Trích khấu hao T12	642 214	1.483.631	1.483.631
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng		267.926.224.309	267.926.224.309

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 635

CN C.TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VN TẠI HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>NT</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
<i>04/10</i>	<i>0065277</i>	<i>04/10</i>	<i>Khoản Chiết khấu thanh toán cước vận chuyển Clinker</i>	<i>112</i>	<i>10.673.327</i>	
<i>31/12</i>	<i>PKT27</i>	<i>31/12</i>	<i>Hạch toán chênh lệch tỷ giá gốc ngoại tệ</i>	<i>112</i>	<i>5.235.100</i>	
<i>31/12</i>	<i>PKT 31</i>	<i>31/12</i>	<i>Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>911</i>		<i>15.908.427</i>
			<i>Cộng số phát sinh</i>		<i>15.908.427</i>	<i>15.908.427</i>
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		<i>-</i>	<i>-</i>

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế- tài chính ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng phải được thay đổi và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong đó công tác kế toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ có một vị trí đặc biệt quan trọng nhất là đối với các doanh nghiệp Thương mại. Vì vậy việc hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ là rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp.

Tại Chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là vấn đề mà công ty quan tâm nhất. Trong thời gian thực tập tại Phòng Kế toán em đã đi sâu tìm hiểu về thực tế công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ qua đó thấy được những ưu điểm cũng như những tồn tại trong công tác tổ chức hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty.

Do thời gian thực tập chưa nhiều nên các vấn đề đưa ra trong chuyên đề này chưa có tính khái quát cao, việc giải quyết chưa hẳn đã hoàn toàn thấu đáo và không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô giáo, các cán bộ trong công ty để chuyên đề của em được tốt hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn Th.s - Nguyễn Thị Thuý Hồng và phòng Kế toán Chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng đã hướng dẫn chỉ bảo em hoàn thành chuyên đề này.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	5
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	5
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	5
1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.	5
1.1.1.2. Khái niệm về chi phí.	6
1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh.	8
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	9
1.1.3. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp.	10
1.1.3.1. Các phương thức bán hàng	10
1.1.3.2. Các phương thức thanh toán	11
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	12
1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu.	12
1.2.1.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	12
1.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	17
1.2.1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính	19
1.2.1.4. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác	21
1.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí	22
1.2.2.1. Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.	22
1.2.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính	29
1.2.2.3. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác	31
1.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh.	32
1.3. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	35

Chương 2: TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG.....	37
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu khí Việt Nam.	37
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.	37
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam.	38
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.	38
2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng	40
2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam....	41
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.	43
2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.	43
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt nam tại Hải Phòng.	44
2.2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu	44
2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí tại CN Công ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Khí Việt Nam Tại Hải Phòng.....	57
2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Khí Việt Nam Tại Hải Phòng.....	73
Chương 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG	83
3.1. Đánh giá chung về chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.	83
3.1.1. Đánh giá chung.....	83
3.1.2. Những ưu điểm của Chi nhánh công ty	84

3.1.3. Một số tồn tại cần hoàn thiện.	86
3.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.	87
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện	87
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	88
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng.	89
KẾT LUẬN	100